ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 447/QĐ-UBND	*Kiên Giang, ngày 11 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (lần 14)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 18/7/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính

phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 78/TTr-LĐTBXH ngày 11/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách (kèm theo Phụ lục 01 danh sách hỗ trợ người lao động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập tại Tờ trình số 78/TTr-LĐTBXH ngày 11/01/2022) và kinh phí hỗ trợ cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Rạch Giá (lần 14), cụ thể như sau:

STT	Loại đối tượng	Số lượng	Số tiền/người, hộ	Thành tiền
1	Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (chính sách số 4 – mức 1.855.000 đồng/người hoặc 3.710.000 đồng/người). Trong đó:	362		1.337.455.000
	- Tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng	*3*	*1.855.000*	*5.565.000*
	- Tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên	*359*	*3.710.000*	*1.331.890.000*
2	Chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc (chính sách số 5 – mức 1.000.000 đồng/người)	16	1.000.000	16.000.000
3	Chính sách hỗ trợ bổ sung cho người lao động và trẻ em (chính sách số 7 – mức 1.000.000 đồng/người, trẻ em). Trong đó:	91		91.000.000
	- Người lao động đang mang thai	*8*	*1.000.000*	*8.000.000*
	- Người lao động đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi	*83*	*1.000.000*	*83.000.000*

4	Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh (chính sách số 10 – mức 3.000.000 đồng/hộ)	84	3.000.000	252.000.000
	Tổng cộng	**553**		**1.696.455.000**
	Bằng chữ:	***Một tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng***		

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng theo thời gian quy định; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn thành phố và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn địa phương về quy trình thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định; tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá và Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tthuy, "HT".

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Nguyễn Lưu Trung

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 11.02.2022 16:11:48 +07:00

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01

Danh sách đề nghị hỗ trợ do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 trên địa bàn thành phố Rạch Giá

(Kèm theo Tờ trình số 78 /TTr-LĐTBXH ngày 11 /01/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

I	**CÔNG TY TNHH TÂM NGUYÊN TÂM**							**8.420.000**			
1.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**7.420.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Lê Thanh Ngọc	Nhân viên bán hàng	Dài hạn	01/6/2019	9122094527	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/8/2021	3.710.000	Lê Thanh Ngọc- 070034850079 - Ngân hàng TMCP Sài gòn thương tín - CN Kiên Giang	371426078	
2	Tăng Thanh Hoài	Nhân viên bán hàng	Dài hạn	1/10/2020	9121654855	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/8/2021	3.710.000	Tăng Thanh Hoài- 0091000680403 - Ngân hàng TMCP ngoại thương VN - CN Kiên Giang	371348943	
1.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**1.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 1.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**	**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*		*9*	*10*	*11*
1	Tăng Thanh Hoài	2	Tăng Tuấn Kiệt	28/9/2020	Nguyễn Ngọc Như	371720610	1.000.000		Tăng Thanh Hoài- 0091000680403 - Ngân hàng TMCP ngoại thương VN - CN Kiên Giang	371348943	
II	**CÔNG TY TNHH THANH HẢI**							**31.680.000**			
2.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**29.680.000**			

Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Phạm Thị Nghiên	Phòng tài chính, kế toán	Không thời hạn	01/9/2010	5204002538	16/8/2021	16/08/2021 đến 20/09/2021	3.710.000	Tên TK: Phạm Thị Nghiên, Số TK: 7715205033294, Ngân hàng Agribank CN Rạch Giá	371718865	
2	Nguyễn Thị Phượng	Phòng tài chính, kế toán	Không thời hạn	01/9/2010	9110006672	16/8/2021	16/08/2021 đến 20/09/2021	3.710.000	Tên TK: Nguyễn Thị Phượng, Số TK: 7700205087892, Ngân hàng Agribank CN Kiên Giang	371967316	
3	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Phòng kỹ thuật	Không thời hạn	01/4/2019	9111000772	16/8/2021	16/08/2021 đến 20/09/2021	3.710.000	Tên TK: Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Số TK: 7700205131082, Ngân hàng Agribank CN Kiên Giang	370991320	
4	Hoàng Văn Đông	Phòng kỹ thuật	Không thời hạn	01/8/2012	9112005050	16/8/2021	16/08/2021 đến 20/09/2021	3.710.000	Tên TK: Hoàng Văn Đông, Số TK: 7710205200563, Ngân hàng Agribank CN huyện An Minh	370566427	
5	Trần Anh Kiệt	Phòng kỹ thuật	Không thời hạn	01/8/2012	9112007652	16/8/2021	16/08/2021 đến 20/09/2021	3.710.000	Tên TK: Trần Anh Kiệt, Số TK: 7715205024212, Ngân hàng Agribank CN Rạch Giá	370687026	
6	Vũ Ngọc Quang	Phòng kỹ thuật	Không thời hạn	01/8/2012	9112007653	16/8/2021	16/08/2021 đến 20/09/2021	3.710.000	Tên TK: Vũ Ngọc Quang, Số TK: 0108320467, Ngân hàng Đông Á CN Kiên Giang	371411017	
7	Lê Thế Phấn	Phòng kỹ thuật	Không thời hạn	01/8/2012	9112007651	16/8/2021	16/08/2021 đến 20/09/2021	3.710.000	Tên TK: Lê Thế Phấn, Số TK: 7501000660100, Ngân hàng BIDV CN Kiên Giang	371909111	
8	Trần Văn Dũng	Phòng kỹ thuật	Không thời hạn	01/10/2015	9115012667	16/8/2021	16/08/2021 đến 20/09/2021	3.710.000	Tên TK: Trần Văn Dũng, Số TK: 7710205200613, Ngân hàng Agribank CN huyện An Minh	370470815	
2.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**2.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 2.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*

1	Nguyễn Thị Phượng	2	Nguyễn Trường Đại	08/06/2016	Nguyễn Hoàng Khương		370944579	1.000.000	Tên TK: Nguyễn Thị Phượng, Số TK: 7700205087892, Ngân hàng Agribank Kiên Giang	371967316	
2	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		Hoàng Ánh Tuyết	10/09/2020	Hoàng Anh Tuấn		371990535	1.000.000	Tên TK: Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Số TK: 7700205131082, Ngân hàng Agribank CN Kiên Giang	370991320	
III	**CÔNG TY TNHH THANH HẢI**							**3.710.000**			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							**3.710.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Nguyễn Huỳnh Diễm	Quản lý nhân sự	Không thời hạn	1/12/2020	9110003085	20/7/2021	Từ 20/7/2021 đến 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Huỳnh Diễm- 004526218 - Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Kiên Giang	371197510	
IV	**CÔNG TY TNHH XD & TM HUỲNH KHANG**							**5.710.000**			
4.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**3.710.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Nguyễn Thị Thúy An	Kế toán	có thời hạn 01 năm	02/1/2021	9115005338	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 20/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thúy An- 108872814417 - Ngân hàng Công thương - CN Kiên Giang (Viettinbank)	371393883	
4.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con để hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**2.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 4.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**	**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*		*8*	*9*	*10*	*11*

1	Nguyễn Thị Thúy An	1	Phạm Phú Phát	08/2/2017	Phạm Hùng Mạnh		091079000382	1.000.000	Nguyễn Thị Thúy An-108872814417 - Ngân hàng Công thương - CN Kiên Giang (Viettinbank)	371393883	
2	Nguyễn Thị Thúy An	1	Phạm Anh Khang	11/10/2019	Phạm Hùng Mạnh		091079000382	1.000.000	Nguyễn Thị Thúy An-108872814417 - Ngân hàng Công thương - CN Kiên Giang (Viettinbank)	371393883	
V	**CÔNG TY TNHH MTV ÚT TỴ**							**70.780.000**			
5.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**66.780.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Trần Văn Chiến	KT trưởng	Không thời hạn	08/01/2013	9109007597	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Trần Văn Chiến 070031276894 Sacombank CNKG	370971718	
2	Nguyễn Thị Diễm	Kế toán tổng hợp	Không thời hạn	12/01/2018	9122261057	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Diễm 7713205043835 Agribank - CN KG	371549081	
3	Nguyễn Văn Trường	Quản lý Cty	Không thời hạn	08/01/2013	9108009169	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Trường 7268787 Ngân hàng Á Châu -CNKG	371127748	
4	Châu Thuý Anh	Công nợ	Không thời hạn	08/01/2013	9108009158	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Châu Thúy Anh 0091000058511 Vietcombank-CNKG	370958645	
5	Nguyễn Thị Thắm	Thủ kho	Không thời hạn	04/01/2014	9114005356	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thắm 070105302711 Sacombank-CNKG	371173602	
6	Nguyễn Thị Thúy An	Thủ quỹ	Không thời hạn	08/01/2013	9112004841	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thúy An 0091000643636 Vietcombank-CNKG	371123062	
7	Hà Thị Cương	TP Kinh doanh	Không thời hạn	08/01/2013	9108009166	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Hà Thị Cương 0102710138 Đông Á – CNKG	100802861	

8	Nguyễn Văn Thương	NV Kinh doanh	Không thời hạn	08/01/2013	5307005166	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thương 070005419636 Sacombank-CNKG	370991235	
9	Văn Tất Vũ	Lái xe	Không thời hạn	08/01/2013	9108009167	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Văn Tất Vũ 0108547979 Đông Á – CNKG	370859723	
10	Trần Văn Luyện	Lái xe	Không thời hạn	08/01/2013	9108009165	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Trần Văn Luyện 0111412340 Đông Á – CNKG	151289421	
11	Trần Bá Cường	Lái xe	Không thời hạn	08/01/2013	9108009164	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Trần Bá Cường 36289843 Kiên Long- CNKG	151624385	
12	Nguyễn Hoài Phương	Lái xe	Không thời hạn	08/01/2013	9108009163	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoài Phương 117002626507 Vietinbank- CNKG	300977563	
13	Nguyễn Văn Minh	Lái xe	Không thời hạn	08/01/2013	9108009157	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Minh 070125549428 Sacombank- CNKG	370979364	
14	Võ Trường Giang	Lái xe	Không thời hạn	04/01/2014	9114005357	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Võ Trường Giang 070125560693 Sacombank- CNKG	182034543	
15	Chiêm Văn Hai	Lái xe	Không thời hạn	06/01/2020	9108009159	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Chiêm Văn Hai 070125565301 Sacombank-CNKG	371276485	
16	Nguyễn Thị Trinh	NV bán hàng	Không thời hạn	06/01/2015	9115005485	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Trinh 36094983 Kiên Long –CNKG	370948391	
17	Trần Thị Thùy Trang	NV bán hàng	Không thời hạn	02/01/2019	9121641237	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Trần Thị Thùy Trang 070108990791 Sacombank-CNKG	371284571	
18	Hoàng Thị Ngọc Yến	NV bán hàng	Không thời hạn	12/01/2019	7916200073	18/7/2021	18/07/2021-29/09/2021	3.710.000	Hoàng Thị Ngọc Yến 070113356683 Sacombank- CNKG	371625713	
5.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							4.000.000			

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH KIÊN GIANG

Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 5.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thị Thắm	5	Nguyễn Ngọc Tường Vy	31/5/2019	Nguyễn Văn Bé Hai	363799086	1.000.000	Nguyễn Thị Thắm 070105302711 Sacombank-CNKG	371173602	
2	Trần Thị Thùy Trang	17	Hứa Hoàng Lâm	01/05/2017	Hứa Đăng Khoa	371422720	1.000.000	Trần Thị Thùy Trang 070108990791 Sacombank-CNKG	371284571	
3	Trần Thị Thùy Trang	17	Hứa Hoàng Thùy Dương	09/07/2019	Hứa Đăng Khoa	371422720	1.000.000	Trần Thị Thùy Trang 070108990791 Sacombank-CNKG	371284571	
4	Hoàng Thị Ngọc Yến	18	Nguyễn Hoàng Khang	30/3/2018	Nguyễn Trung Cường	371024910	1.000.000	Hoàng Thị Ngọc Yến 070113356683 Sacombank- CNKG	371625713	
VI	**CÔNG TY TNHH TM DV ĐT XD THƯ NGUYỄN**						**33.680.000**			
6.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**						**29.680.000**			

Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trịnh Sơn Hải	PGĐ	Có thời hạn	T4/2021	5307001546	19/7/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Trịnh Sơn Hải, 9914512424, Vietcombank	371877902	
2	Hồ Minh Hoàng	CBKT	Có thời hạn	T4/2021	9123453141	19/7/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Hồ Minh Hoàng, 9946896807, Vietcombank	371304908	
3	Lai Tuấn Duy	CBKT	Có thời hạn	T4/2021	9121777161	19/7/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Lai Tuấn Duy, 9847484024. Vietcombank	371680874	
4	Nguyễn Ngọc Duy	CBKT	Có thời hạn	T4/2021	9122199118	19/7/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Duy, 1021842573, Vietcombank	371563113	
5	Lê Đức Tính	CBKT	Có thời hạn	T4/2021	9121646150	19/7/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Lê Đức Tính, 9949789348, Vietcombank	371776591	
6	Mã Minh Thiện	CBKT	Có thời hạn	T4/2021	9122534010	19/7/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Mã Minh Thiện, 1021843007. Vietcombank	371700097	
7	Lưu Thanh Trọn	CBKT	Có thời hạn	T4/2021	9122231163	19/7/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Lưu Thanh Trọn, 1021865190. Vietcombank	371640102	

8	Huỳnh Thúy Duy	X.H. Cổ toàn viên	Có thời hạn	T4/2021	9122310403	19/7/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Huỳnh Thúy Duy, 91000655142, Vietcombank	371829404	
6.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai**							**1.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**			**Thứ tự tại mục 6.1**				**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/thẻ căn cước công dân**	**Ghi chú**
1	Huỳnh Thúy Duy			8				1.000.000	Huỳnh Thúy Duy, 91000655142, Vietcombank	371829404	
6.3	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**3.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 6.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trịnh Sơn Hải	1	Trịnh Hải Đăng	19/3/2016	Trương Ngô Gia Quỳnh		371154756	1.000.000	Trịnh Sơn Hải, 9914512424, Vietcombank	371877902	
2	Hồ Minh Hoàng	2	Hồ Thiên Phúc	03/09/2017	Tạ Bích Huỳnh		371227599	1.000.000	Hồ Minh Hoàng, 9946896807, Vietcombank	371304908	
3	Nguyễn Ngọc Duy	4	Nguyễn Di Bảo	27/11/2019	Trần Thị Lệ Xuân		371461540	1.000.000	Nguyễn Ngọc Duy, 1021842573, Vietcombank	371563113	
VII	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUỐC THỊNH**							**21.550.000**			
7.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**18.550.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Hình Thành Trung	P. Giám đốc	HĐLĐ	03/2018	9113005211	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Hình Thành Trung, 993999939, Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội -CN Kiên Giang	371231890	
2	Đào Minh Nhì	Cán bộ kỹ thuật	HĐLĐ	03/2018	9315001258	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Đào Minh Nhì, 9945958404, Ngân hàng Vietcombank CN Kiên Giang	385455511	
3	Nguyễn Việt Khánh	Cán bộ kỹ thuật	HĐLĐ	03/2018	9121786632	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Việt Khánh, 1021188310, Ngân hàng Vietcombank CN Kiên Giang	371718216	
4	Nguyễn Văn Linh	Cán bộ kỹ thuật	HĐLĐ	03/2018	9124087413	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Linh, 27042704, Ngân hàng Kiên Long- CN Kiên Giang	371823195	

5	Nguyễn Thị Diễm Thúy	Kế toán	HĐLĐ	03/2018	9122339068	19/07/2021	19/07/2021 - 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Diễm Thúy, 39631883, Ngân hàng Kiên Long- CN Kiên Giang	371226460	
7.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**3.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 7.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Hình Thành Trung	1	Hình Minh Thành		17/02/2017	Trần Thị Tú	371710792	1.000.000	Hình Thành Trung, 993999939, Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội -CN Kiên Giang	371231890	
2	Hình Thành Trung	1	Hình Minh Thanh		06/12/2018	Trần Thị Tú	371710792	1.000.000	Hình Thành Trung, 993999939, Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội -CN Kiên Giang	371231890	
3	Đào Minh Nhì	2	Đào Minh Khang		20/01/2019	Lê Kiên Hồng	371502255	1.000.000	Đào Minh Nhì, 9945958404, Ngân hàng Vietcombank CN Kiên Giang	385455511	
VIII	**CÔNG TNHH TVXD AN LỘC PHÁT**							**10.420.000**			
8.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**7.420.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Nguyễn Đỗ Sĩ	Phòng hành chính	Không thời hạn	1/10/2017	9116010305	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 01/9/2021	3.710.000	Nguyễn Đỗ Sĩ- 101005045303 - Ngân hàng Vietinbank - CN Kiên Giang	221174181	
2	Đặng Thị Thủy	Phòng hành chính	Không thời hạn	01/4/2017	9116017778	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 01/9/2021	3.710.000	Đặng Thị Thủy- 100003423907 - Ngân hàng Quốc dân - CN Kiên Giang	371499088	
8.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**3.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 8.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Đỗ Sĩ	1	Nguyễn Lê Anh Vũ	22/4/2016	Lê Kim Anh		371445519	1.000.000	Nguyễn Đỗ Sĩ- 101005045303 - Ngân hàng Vietinbank - CN Kiên Giang	221174181	

2	Nguyễn Đỗ Sĩ		Nguyễn Lê Bình	19/5/2019	Lê Kim Anh		371445519	1.000.000	Nguyễn Đỗ Sĩ- 101005045303 - Ngân hàng Vietinbank - CN Kiên Giang	221174181	
3	Đặng Thị Thủy		Trần Ngọc Bảo Anh	14/11/2020	Trần Trung Kiên		186757294	1.000.000	Đặng Thị Thủy- 100003423907 - Ngân hàng Quốc dân - CN Kiên Giang	371499088	
IX	**CÔNG TY TNHH THỦY SẢN TRÂM ANH**							**7.420.000**			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							**7.420.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Nhan Bé Chên	Kế toán	Xác định thời hạn	1/4/2021	3513010873	01/8/2021	Từ 01/8/2021 đến 31/10/2021	3.710.000	Nhan Bé Chên- 0152100001235001 - Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Kiên Giang	371093266	
2	Trần Thanh Tú	Nhân viên	Xác định thời hạn	01/1/2021	9124018798	01/9/2021	Từ 01/9/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Trần Thanh Tú- 39222268 - Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Rạch Giá	380899644	
X	**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGÔ MINH THUỆ**							**39.100.000**			
10.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**37.100.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Hồng Tuyết Minh	Kế toán	Xác định thời hạn	01/06/2021	9121716477	01/09/2021	01/9/2021 - 30/9/2021	3.710.000	Hồng Tuyết Minh, 19036408387014, Techcombank- Chi nhánh Kiên Giang	371718504	
2	Trần Thị Cẩm Loan	Kế toán	Xác định thời hạn	01/01/2021	9122030441	01/09/2021	01/9/2021 - 30/9/2021	3.710.000	Trần Thị Cẩm Loan, 070093348999. Sacombank - CN.Kiên Giang	371882922	
3	Trần Diễm Phương	Kế toán	Xác định thời hạn	01/06/2021	9122308262	01/09/2021	01/9/2021 - 30/9/2021	3.710.000	Trần Diễm Phương, 070125967890, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang	371390718	

4	Nguyễn Việt Xuân	Chuyên viên	Xác định thời hạn	01/01/2021	9115013121	01/09/2021	01/9/2021 - 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Việt Xuân, 677704060029224, Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam (VIB)	371400808	
5	Cao Văn Đông	Chuyên viên	Xác định thời hạn	01/01/2021	9215012936	01/09/2021	01/9/2021 - 30/9/2021	3.710.000	Cao Văn Đông, 026960710001, LienViet Postbank	371422116	
6	Nguyễn Hoài Nhân	Chuyên viên	Xác định thời hạn	01/01/2021	9122789682	01/09/2021	01/9/2021 - 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Hoài Nhân, 677704060029152, Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam (VIB)	371795455	
7	Phan Thị Cà Phương	Chuyên viên	Xác định thời hạn	01/01/2021	9622420110	01/09/2021	01/9/2021 - 30/9/2021	3.710.000	Phan Thị Cà Phương, 7711205085760, Agribank chi nhánh Hà Tiên	371703121	
8	Mai Thị Tuyết Hồng	Văn thư	Xác định thời hạn	01/06/2021	9123789291	01/09/2021	01/9/2021 - 30/9/2021	3.710.000	Mai Thị Tuyết Hồng, 75010000560194, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Kiên Giang	371393148	
9	Nguyễn Thanh Phong	Công chứng viên	Xác định thời hạn	01/07/2021	9116008101	01/09/2021	01/9/2021 - 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Phong, 91000606688, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	371135231	
10	Nguyễn Thị Hồng Nga	Chuyên viên	Xác định thời hạn	01/06/2021	9122051153	01/09/2021	01/9/2021 - 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hồng Nga, 7716205027083, Agribank chi nhánh Mỹ Lâm	371692505	
10.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**2.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 10.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	Phan Thị Cà Phương	7	Nguyễn Trúc Ngân	24/1/2021	Nguyễn Việt Hùng		371463217	1.000.000	Phan Thị Cà Phương, 7711205085760, Agribank chi nhánh Hà Tiên	371703121	
2	Mai Thị Tuyết Hồng	8	Bùi An Nhiên	15/5/2018	Bùi Giang Tiệp		371247303	1.000.000	Mai Thị Tuyết Hồng, 75010000560194, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Kiên Giang	371393148	
XI	**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**							**59.650.000**			
11.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**55.650.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK. Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**

1	LÊ THANH HIỀN	Phòng Kế hoạch Kinh doanh	Không Xác định thời hạn	01/01/2021	9110003669	01/08/2021	01/8/2021 - 30/09/2021	3.710.000	102872955990, Công Thương Kiên Giang	371012759	Điện thoại trực tiếp
2	DOÃN TUẤN KIỆT	Phòng Kế hoạch Kinh doanh	Hợp đồng lao động 3 năm	07/01/2021	9121691824	01/08/2021	01/8/2021 - 30/09/2021	3.710.000	108871710836, Công Thương Kiên Giang	371584604	Điện thoại trực tiếp
3	VŨ HẢI MINH	Phòng Kế hoạch Kinh doanh	Hợp đồng lao động 1 năm	10/01/2020	9121768217	01/08/2021	01/8/2021 - 30/09/2021	3.710.000	105872363870, Công Thương Kiên Giang	371775575	Điện thoại trực tiếp
4	HOÀNG BÍCH NGỌC	Phòng kế toán - tài chính	Không Xác định thời hạn	06/01/2020	9114000305	01/08/2021	01/8/2021 - 30/09/2021	3.710.000	101005170915, Công Thương Kiên Giang	371508159	Điện thoại trực tiếp
5	LÊ THỊ KIM LOAN	Phòng kế toán - tài chính	Không Xác định thời hạn	07/01/2021	9115001590	01/08/2021	01/8/2021 - 30/09/2021	3.710.000	101001715610, Công Thương Kiên Giang	371051383	Điện thoại trực tiếp
6	NGUYỄN THỨC NGỌC	Đội Xây dựng - Viễn thông	Không Xác định thời hạn	01/01/2020	9108002919	01/08/2021	01/8/2021 - 30/09/2021	3.710.000	107004421534, Công Thương Kiên Giang	371139997	Điện thoại trực tiếp
7	VŨ HẢI QUANG	Đội Xây dựng - Viễn thông	Hợp đồng lao động 1 năm	01/05/2021	9121639281	01/08/2021	01/8/2021 - 30/09/2021	3.710.000	103872876235, Công Thương Kiên Giang	371960371	Điện thoại trực tiếp
8	TẠ THỊ VI TRÂM	Phòng kế toán - tài chính	Hợp đồng lao động 1 năm	01/01/2021	9111005281	01/08/2021	01/8/2021 - 30/09/2021	3.710.000	109872373105, Công Thương Kiên Giang	371521906	Điện thoại trực tiếp
9	MAI CÔNG DƯƠNG	Đội Xây dựng - Viễn thông	Hợp đồng lao động 1 năm	05/01/2021	3823577912	01/08/2021	01/8/2021 - 30/09/2021	3.710.000	106872926428, Công Thương Kiên Giang	038201019592	Điện thoại trực tiếp
10	NGUYỄN MINH THIỆN	Đội Xây dựng - Viễn thông	Hợp đồng lao động 1 năm	01/01/2021	9116020463	10/08/2021	01/8/2021 - 31/8/2021	3.710.000	1010062299, SHB Kiên Giang	351467132	Điện thoại trực tiếp
11	ĐOÀN VĂN QUANG	Đội Xây dựng - Viễn thông	Không Xác định thời hạn	01/01/2016	9109002076	25/08/2021	25/08/2021 - 30/09/2021	3.710.000	101003970538, Công Thương Kiên Giang	370963615	Điện thoại trực tiếp
12	NGUYỄN VĂN CẤP	Đội Xây dựng - Viễn thông	Không Xác định thời hạn	01/01/2016	5396011282	25/08/2021	25/08/2021 - 30/09/2021	3.710.000	109004162652, Công Thương Kiên Giang	371075932	Điện thoại trực tiếp

13	HỒ VĂN HUY	Đội Xây dựng - Viễn thông	Không Xác định thời hạn	01/01/2016	9113000407	25/08/2021	25/08/2021 - 30/09/2021	3.710.000	100006333967, Công Thương Kiên Giang	173742211	Điện thoại trực tiếp
14	TRẦN HOÀNG NHÂN	Phòng Kế hoạch Kinh doanh	Không Xác định thời hạn	01/01/2016	9208016120	25/08/2021	25/08/2021 - 30/09/2021	3.710.000	101004545171, Công Thương Kiên Giang	371012918	Điện thoại trực tiếp
15	ĐỖ THÁI HÒA	Phòng Kế hoạch Kinh doanh	Không Xác định thời hạn	01/01/2016	9109005104	25/08/2021	25/08/2021 - 30/09/2021	3.710.000	105004827864, Công Thương Kiên Giang	371076348	Điện thoại trực tiếp
11.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**4.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 11.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	LÊ THANH HIỀN	1	LÊ THÙY LÂM	25/1/2016	TRỊNH THỊ THÙY		370791915	1.000.000	LÊ THANH HIỀN; TK SỐ 102872955990 TẠI ngân hàng Công Thương Kiên Giang	371012759	
2	LÊ THỊ KIM LOAN	5	PHAN HẢI VƯƠNG	10/12/2020	PHAN VĂN THÙNG		370891547	1.000.000	LÊ THỊ KIM LOAN; TK SỐ 101001715610 TẠI ngân hàng Công Thương Kiên Giang	371051383	
3	TRẦN HOÀNG NHÂN	14	Trần Hoàng Gia Lộc	6/1/2020	Phan Thị Quý Nhanh		370965263	1.000.000	Trần Hoàng Nhân; TK SỐ 101004545171 TẠI ngân hàng TMCP Công Thương Kiên Giang	371012918	
4	ĐỖ THÁI HÒA	15	Trần Thái Phương Nghi	26/9/2020	Trần Văn Huy		371136987	1.000.000	Đỗ Thái Hòa; TK SỐ 105004827864 TẠI ngân hàng TMCP Công Thương Kiên Giang	371076348	
XII	**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THÀNH NHÂN**							**3.710.000**			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							**3.710.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Nguyễn Thị Cẩm Tình	Kế toán	Dài hạn	1/9/2020	9121750073	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Cẩm Tình-7700205255194 - Ngân hàng Agribank Kiên Giang	371053590	
XIII	**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CỔNG VÀNG TẠI KIÊN GIANG**							**55.650.000**			

	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							55.650.000			
Stt	Họ và Tên	Bộ phận, Hàn xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Nguyễn Thiện Nhân	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	15/01/2020	8916011286	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Thiện Nhân, 105004763002, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	352057531	
2	Lê Trần Hoàng Yến	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	22/02/2020	9116013744	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Lê Trần Hoàng Yến, 107869566948, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	363748233	
3	Nguyễn Hoàng Nghĩa	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	26/02/2020	8922190796	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Nghĩa, 101001971936, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	352167884	
4	Lưu Thị Anh Đào	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	31/01/2021	9121635710	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Lưu Thị Anh Đào, 109869611540, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371628602	
5	Nguyễn Thị Thu Hà	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	31/05/2020	9121628444	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thu Hà, 101869678596, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	370357892	
6	Cao Thị Thu Yến	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	01/07/2020	9114005110	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Cao Thị Thu Yến, 108869612170, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	370948697	
7	Nguyễn Công Tú	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	01/09/2019	7414021867	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Công Tú, 109005087423, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ CHí Minh	241317405	
8	Võ Thị Tường Vi	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	22/02/2020	9221381089	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Võ Thị Tường Vi, 107869566387, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371692299	
9	Trần Ngọc Mỹ Nhơn	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	26/01/2020	8916010272	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Trần Ngọc Mỹ Nhơn, 107004940189, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	371405267	

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH KIÊN GIANG

10	Nguyễn Thị Bích Duyên	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	01/07/2020	9124087484	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Bích Duyên, 102869608207, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	362337396	
11	Phan Văn Mau	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	15/01/2020	9623035353	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Phan Văn Mau, 102869286238, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	381493008	
12	Nguyễn Trương Thủy Tiên	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	01/07/2021	9222772597	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Trương Thủy Tiên, 107003349536, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	362429717	
13	Nguyễn Hoàng Danh	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	01/06/2020	9124082041	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Danh, 105006721331, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	371651843	
14	Lê Bảo Truyền	Nhà hàng	Xác định thời hạn 36 tháng	01/07/2021	9121637668	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Lê Bảo Truyền, 100869707190, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371855068	
15	Lý Minh Trí	Nhà hàng	Xác định thời hạn 12 tháng	01/06/2021	9124126496	19/07/2021	Từ 19/7/2021 đến 31/8/2021	3.710.000	Lý Minh Trí, 108869584656, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371401323	
XIV	**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TIẾN HƯNG**							**61.650.000**			
14.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**55.650.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Lê Khắc Huy	Phòng Kỹ thuật	Không thời hạn	03/01/2011	5301002138	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Lê Khắc Huy, Số TK: 995007, ACB CN Kiên Giang	371278633	
2	Nguyễn Văn Phương	Phòng Kỹ thuật	Không thời hạn	03/01/2013	9108006161	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Phương, Số TK: 965787, ACB CN Kiên Giang	371008635	
3	La Thị Mỹ Linh	Phòng Kỹ thuật	Không thời hạn	04/01/2015	5398000707	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	La Thị Mỹ Linh, Số TK: 965807, ACB CN Kiên Giang	371798246	
4	Phạm Minh Khiêm	Phòng Kỹ thuật	Không thời hạn	04/01/2015	9115012766	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Phạm Minh Khiêm, Số TK: 965827, ACB CN Kiên Giang	362388041	
5	Trần Minh Nhựt	Phòng Kỹ thuật	Không thời hạn	07/01/2016	9116013036	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Trần Minh Nhựt, Số TK: 1416627, ACB CN Kiên Giang	371530395	
6	Lê Quang Huy	Phòng Kỹ thuật	Không thời hạn	01/01/2017	9116016312	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Lê Quang Huy, Số TK: 965817, ACB CN Kiên Giang	91093000034	

7	Nguyễn Thị Kiều Nhi	Phòng Kế toán	Không thời hạn	05/01/2018	9122576203	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kiều Nhi, Số TK: 965847, ACB CN Kiên Giang	371585788	
8	Kiều Chiến Công	Phòng Kế toán	Không thời hạn	07/01/2019	5396011539	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Kiều Chiến Công, Số TK: 0091000225836, VCB CN Kiên Giang	370939312	
9	Bùi Hải Dương	Phòng Kế toán	Không thời hạn	08/01/2019	9123003652	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Bùi Hải Dương, Số TK: 8091067, ACB CN Kiên Giang	371500756	
10	Nguyễn Xuân Huân	Phòng Kế toán	Không thời hạn	11/01/2019	5304001695	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Xuân Huân, Số TK: 0091000562760, VCB CN Kiên Giang	371557064	
11	Hà Kim Ngân	Phòng Kỹ thuật	Không thời hạn	03/01/2020	9121779785	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Hà Kim Ngân, Số TK: 11296197, ACB CN Kiên Giang	371802072	
12	Nguyễn Tấn Phát	Phòng Kỹ thuật	Không thời hạn	12/01/2020	9122145053	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Tấn Phát, Số TK: 11852027, ACB CN Kiên Giang	371727825	
13	Trần Khánh Duy	Phòng Kỹ thuật	Không thời hạn	12/01/2020	9123062161	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Trần Khánh Duy, Số TK: 12831017, ACB CN Kiên Giang	371786229	
14	Phạm Thị Tuyết Sương	Phòng Kế toán	Không thời hạn	01/01/2021	9123750134	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Phạm Thị Tuyết Sương, Số TK: 19035432700010, Techcom bank CN Kiên Giang	370972473	
15	Ngô Vị Hùng	Phòng Kỹ thuật	Không thời hạn	03/01/2021	9110001737	19/7/2021	19/7/2021-30/9/2021	3.710.000	Ngô Vị Hùng, Số TK: 17823717, ACB CN Kiên Giang	371106335	
14.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**6.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 14.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**	**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*		*8*	*9*	*10*	*11*
1	Lê Quang Huy	6	Lê Hoàng Phước Dân	24/11/2018	Hoàng Lê Cẩm Tú	371785518		1.000.000	Lê Quang Huy, Số TK: 965817, ACB CN Kiên Giang	91093000034	
2	Trần Minh Nhựt	5	Trần Minh Quân	06/11/2020	Nguyễn Thị Kiều Nhi	371585788		1.000.000	Trần Minh Nhựt, Số TK: 1416627, ACB CN Kiên Giang	371530395	
3	Phạm Minh Khiêm	4	Phạm Kiều Thiên Ân	04/05/2018	Bùi Thị Kiều Linh	371492329		1.000.000	Phạm Minh Khiêm, Số TK: 965827, ACB CN Kiên Giang	362388041	
4	Phạm Thị Tuyết Sương	14	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	11/06/2015	Nguyễn Vũ Hưng	370960267		1.000.000	Phạm Thị Tuyết Sương, Số TK: 19035432700010, Techcom bank CN Kiên Giang	370972473	
5	Nguyễn Văn Phương	2	Nguyễn Khả Hân	17/5/2021	Nguyễn Thị Bích Trang	371139604		1.000.000	Nguyễn Văn Phương, Số TK: 965787, ACB CN Kiên Giang	371008635	
6	Nguyễn Văn Phương	2	Nguyễn Gia Hân	17/5/2021	Nguyễn Thị Bích Trang	371139604		1.000.000	Nguyễn Văn Phương, Số TK: 965787, ACB CN Kiên Giang	371008635	
XV	**CÔNG TY TNHH BÉ NĂM**							**14.840.000**			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							**14.840.000**			

Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trịnh Đông Đông	Văn phòng	không xác định thời hạn	1/1/2021	9121773004	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 29/9/2021	3.710.000	Trịnh Đông Đông- 19037764413018 - Ngân hàng Techcombank - CN Kiên Giang	371933938	
2	Trần Thanh Phong	Văn phòng	không xác định thời hạn	1/1/2021	9124131774	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 29/9/2021	3.710.000	Trần Thanh Phong- 75010000639863 - Ngân hàng BIDV - CN Kiên Giang	370929559	
3	Ngô Tú Trinh	Văn phòng	không xác định thời hạn	1/1/2021	9109005229	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 29/9/2021	3.710.000	Ngô Tú Trinh- 070025283951 - Ngân hàng Sacombank - CN Kiên Giang	370932992	
4	Huỳnh Suy Tư	Văn phòng	không xác định thời hạn	1/1/2021	9116013237	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 29/9/2021	3.710.000	Huỳnh Suy Tư- 21569757 - Ngân hàng ACB - CN Kiên Giang	371541722	
XVI	**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÔN MAI**							**18.550.000**			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							**18.550.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Huỳnh Tấn Minh	Tài xế	không xác định thời hạn	1/12/2017	9121665043	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 20/9/2021	3.710.000	Huỳnh Tấn Minh- 21877367 - Ngân hàng ACB Kiên Giang	371166615	
2	Ngô Thị Tố Quyên	Kế toán	không xác định thời hạn	1/6/2019	9121677851	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 20/9/2021	3.710.000	Ngô Thị Tố Quyên- 100872980763 - Ngân hàng Công thương Kiên Giang	370982009	
3	Đỗ Hoàng Nhu	Tài xế	không xác định thời hạn	1/12/2017	9121777119	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 20/9/2021	3.710.000	Đỗ Hoàng Nhu- 070050034400- Ngân hàng Sacombank - CN Kiên Giang	370897069	
4	Lê Vĩnh Thuận	Tài xế	không xác định thời hạn	1/12/2017	9123469477	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 20/9/2021	3.710.000	Lê Vĩnh Thuận- 21645747 - Ngân hàng ACB Kiên Giang	370458741	
5	Lê Vĩnh Thanh	Tài xế	không xác định thời hạn	1/12/2017	9123469494	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 20/9/2021	3.710.000	Lê Vĩnh Thanh- 21644967 - Ngân hàng ACB Kiên Giang	370866443	
XVII	**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NAM GIA HƯNG**							**14.840.000**			
	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							**14.840.000**			

Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trần Hoàng Cảnh	Kỹ thuật	không xác định thời hạn	18/12/2020	9121745157	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Trần Hoàng Cảnh- 18514807 - Ngân hàng Á Châu - CN Kiên Giang	371690102	
2	Nguyễn Thanh Tuấn	Tài xế	không xác định thời hạn	08/02/2020	9121821274	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Tuấn- 13993647 - Ngân hàng Á Châu - CN Kiên Giang	371276146	
3	Lê Vĩnh Thư	Kỹ thuật	không xác định thời hạn	14/11/2020	9122373841	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Lê Vĩnh Thư- 237468029 - Ngân hàng Á Châu - CN Kiên Giang	371659601	
4	Trương Thái Duy	Kỹ thuật	không xác định thời hạn	06/02/2021	9123003134	19/7/2021	Từ 19/7/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Trương Thái Duy- 7703205102928 - Ngân hàng NN&PTNN - CN Vĩnh Thuận, Kiên Giang	371908954	
XVIII	**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI AN THÀNH**							**26.970.000**			
18.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**25.970.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Huỳnh Kim Thanh	Thu ngân	Hợp đồng lao động xác định thời hạn 24 tháng	01/11/2020	9123307248	19/7/2021	từ ngày 19/07/2021 đến ngày 30/09/2021	3.710.000	Huỳnh Kim Thanh - 75010000453151 - BIDV Chi Nhánh Kiên giang	371774250	
2	Lý Thị Thu Nhi	Thợ sửa đồ	Hợp đồng lao động xác định thời hạn 24 tháng	01/11/2020	9121697714	19/7/2021	từ ngày 19/07/2021 đến ngày 30/09/2021	3.710.000	Lý Thị Thu Nhi - 75010000476051 - BIDV Chi Nhánh Kiên giang	370458558	
3	Ngô Thị Hồng Hạnh	Bán hàng	Hợp đồng lao động xác định thời hạn 24 tháng	01/02/2021	9123399852	19/7/2021	từ ngày 19/07/2021 đến ngày 30/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Hồng Hạnh - 75010000561683 - BIDV Chi Nhánh Kiên giang	371915369	
4	Nguyễn Thanh Như	Bán hàng	Hợp đồng lao động xác định thời hạn 24 tháng	01/11/2020	9124019483	19/7/2021	từ ngày 19/07/2021 đến ngày 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Như - 75010000528068 - BIDV Chi Nhánh Kiên giang	371900629	

5	Nguyễn Thị Thu Oanh	Bán hàng	Hợp đồng lao động xác định thời hạn 24 tháng	02/2021	9122265147	19/7/2021	từ ngày 19/07/2021 đến ngày 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thu Oanh - 75010000561805 - BIDV Chi Nhánh Kiên giang	371996265	
6	Nguyễn Thúy Phương Tuyền	Bán hàng	Hợp đồng lao động xác định thời hạn 24 tháng	01/11/2020	9121649028	19/7/2021	từ ngày 19/07/2021 đến ngày 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thúy Phương Tuyền - 75010000452538 - BIDV Chi Nhánh Kiên giang	371548629	
7	Phạm Lê Thanh Trang	Bán hàng	Hợp đồng lao động xác định thời hạn 24 tháng	01/11/2020	9124070237	19/7/2021	từ ngày 19/07/2021 đến ngày 30/09/2021	3.710.000	Phạm Lê Thanh Trang - 75010000437748 - BIDV Chi Nhánh Kiên giang	371905258	
18.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**1.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 18.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Thúy Phương Tuyền	6	Cao Ân Kỳ	05/05/2018	Cao Văn Tài		371334163	1.000.000	Nguyễn Thúy Phương Tuyền - 75010000452538 - BIDV Chi Nhánh Kiên giang	371548629	
XIX	**CÔNG TY CỔ PHẦN TINH KHÔI SÁU HAI MỘT**							**28.970.000**			
19.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**25.970.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Võ Tú Anh	Phó Giám đốc	Hợp đồng 01 năm	10/01/2020	9121818506	19/7/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Võ Tú Anh 7700205265810 Agribank - CN Kiên Giang	371054589	
2	Trần Ái Nguyệt	Kế toán	Hợp đồng 01 năm	06/01/2021	9109005291	19/7/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Trần Ái Nguyệt 7715205048450 Agribank - CN Kiên Giang	370958595	
3	Ngô Chí Thông	Kế toán	Hợp đồng 01 năm	03/01/2020	9122370802	19/7/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Ngô Chí Thông 7700205285239 Agribank - CN Kiên Giang	371724657	
4	Nguyễn Trần Lan Hương	Nhân sự	Hợp đồng 01 năm	08/01/2020	9121744460	19/7/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Nguyễn Trần Lan Hương 7700205290505 Agribank - CN Kiên Giang	371743712	
5	Nguyễn Hoàng Long	Kỹ thuật	Hợp đồng 01 năm	08/01/2019	4026118231	19/7/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Long 7700205281034 Agribank - CN Kiên Giang	186401416	

6	Nguyễn Xong Pha	Kỹ thuật	Hợp đồng 01 năm	10/01/2019	9122898198	19/7/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Nguyễn Xong Pha 7700205281107 Agribank - CN Kiên Giang	371829546	
7	Ong Hải Hà	Thủ kho	Hợp đồng 01 năm	09/01/2020	9121726715	19/7/2021	19/07/2021 đến 19/08/2021	3.710.000	Ong Hải Hà 7700205291441 Agribank - CN Kiên Giang	371076726	
19.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**3.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 19.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Võ Tú Anh	1	Đinh Võ Nguyên Khang	07/08/2019	Dinh David Van		506064330	1000000	Võ Tú Anh 7700205265810 Agribank - CN Kiên Giang	371054589	
2	Võ Tú Anh	1	Đinh Võ Thành An	04/10/2018	Dinh David Van		506064330	1.000.000	Võ Tú Anh 7700205265810 Agribank - CN Kiên Giang	371054589	
3	Trần Ái Nguyệt	2	Lê Mỹ An	09/02/2020	Lê Mạnh Cường		370919899	1.000.000	Trần Ái Nguyệt 7715205048450 Agribank - CN Kiên Giang	370958595	
XX	**CHI NHÁNH CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH DŨNG TRUNG NAM**							**20.550.000**			
20.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**18.550.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Hồ Thanh Nhân	Văn phòng	Không xác định thời hạn	04/01/2020	9215002433	14/7/2021	14/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Hồ Thanh Nhân - STK: 75210000089851 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Kiên Giang	362068557	
2	Bông Thanh Toại	Văn phòng	Không xác định thời hạn	01/02/2020	9215002434	14/7/2021	14/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Bông Thanh Toại - STK: 0110019773 - Ngân hàng TMCP Đông Á (DongA) - CN Cần Thơ	381579890	

3	Trần Cẩm Tiên	Văn phòng	Không xác định thời hạn	12/01/2020	9122010412	14/7/2021	14/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Cẩm Tiên - STK: 070086269986 - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) CN Kiên Giang	371671446	
4	Trịnh Anh Hào	Văn phòng	Không xác định thời hạn	04/01/2021	9123395526	14/7/2021	14/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trịnh Anh Hào - STK: 75010000458271 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Kiên Giang	371718388	
5	Nguyễn Hoàng Vĩnh	Văn phòng	Không xác định thời hạn	04/01/2021	9110007967	14/7/2021	14/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Vĩnh - STK: 0932900987 - Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - CN Kiên Giang	364175438	
20.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai**							**1.000.000**			
Stt	**Họ và tên**			**Thứ tự tại mục 20.1**				**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/thẻ căn cước công dân**	**Ghi chú**
1	Trần Cẩm Tiên			3				1.000.000	Trần Cẩm Tiên - STK: 070086269986 - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) CN Kiên Giang	371671446	
20.3	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**1.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 20.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Hoàng Vĩnh	5	Nguyễn Thị Kim Tuyến	15/3/2019	Nguyễn Thị Út Mười		371536768	1.000.000	Nguyễn Hoàng Vĩnh - STK: 0932900987 - Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - CN Kiên Giang	364175438	
XXI	**CÔNG TY TNHH MTV KIỆT HỒNG PHÂN PHỐI**							**47.520.000**			
21.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**44.520.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**

1	Tôn Xuân Long	Quản Lý	Không xác định thời gian	7/2008	9108006195	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Tôn Xuân Long , STK 070089207779 Ngân Hàng Sacombank	371013440	
2	Đỗ Kim Lộc	Thủ Quỹ	Không xác định thời gian	7/2008	9108006201	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Đỗ Kim Lộc Số Tk: 070045509621 Ngân Hàng Sacombank	370429544	
3	Đỗ Hoài Thanh	Nhân Viên Giao Hàng	Không xác định thời gian	7/2008	9108006205	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Đỗ Hoài Thanh TK:21989517 Ngân Hàng ACB	370798113	
4	Hồ Quang Thành	Tiếp Thị	Không xác định thời gian	4/2009	9109001136	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Hồ Quang Thành TK:21989547 Ngân Hàng ACB	371920668	
5	Hồ Văn Đen	Bốc Xếp	Không xác định thời gian	3/2012	9112001800	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Hồ Văn Đen TK:21989557 Ngân Hàng ACB	370762362	
6	TRần Thị Hồng Nhi	Nhân Viên Giao Hàng	Không xác định thời gian	10/2015	9115012651	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Trần Thị Hồng Nhi, STK 070109912113, Ngân Hàng Sacombank	371425066	
7	Tôn Văn Hùng	Nhân Viên Giao Hàng	Không xác định thời gian	11/2013	9113011295	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Tôn Văn Hùng TK:21989527 Ngân Hàng ACB	370405650	
8	Hà Quốc Thái	nhân viên kỹ thuật	Không xác định thời gian	8/2014	9114005498	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Hà Quốc Thái, STK 0091000619527 Ngân Hàng Vietcombank	371425619	
9	Nguyễn Minh Hòa	Nhân Viên Giao Hàng	Không xác định thời gian	11/2016	9116013259	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Minh Hòa TK:21989537 Ngân Hàng ACB	371639261	
10	Huỳnh Văn Vẹn	Nhân Viên Giao Hàng	Không xác định thời gian	11/2018	9122647952	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Vẹn TK:21989567 Ngân Hàng ACB	371231357	
11	Nguyễn Xuân Quang	Nhân viên	Không xác định thời gian	7/2019	9121750617	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Xuân Quang, STK 070071564345, Ngân Hàng Sacombank	371821377	
12	Thị Tú	Nhân Viên	Không xác định thời gian	12/2020	9122582220	01/08/2021	Từ 01/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Thị Tú TK:21989597 Ngân Hàng ACB	371393322	

21.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**3.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 21.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Thị Tú	12	Nguyễn Thành Tân	2/3/2016	Nguyễn Phạm Thành Lễ		91081013621	1.000.000	Thị Tú TK:21989597 Ngân Hàng ACB	371393322	
2	Huỳnh Văn Vẹn	10	Huỳnh Gia Hân	16/4/2018	Bùi Thị Mỹ Duyên		371722419	1.000.000	Huỳnh Văn Vẹn TK:21989567 Ngân Hàng ACB	371231357	
3	Trần Thị Hồng Nhi	6	Hà Khánh Thi	18/8/2019	Hà Quốc Thái		371425619	1.000.000	Trần Thị Hồng Nhi Số TK : 070109912113, Ngân Hàng Saombank	371425066	
XXII	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN CO.OP RẠCH GIÁ**							**30.115.000**			
22.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**24.115.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Phạm Hồng Thanh	CMRG	Không xác định thời hạn	12/01/2017	9114005122	08/07/2021	từ 7/8/2021 đến 27/8/2021	1.855.000	Phạm Hồng Thanh - STK: 632704060044099 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371013221	
2	Đặng Thị Mỹ Diện	CMRG	Không xác định thời hạn	01/01/2021	9116016535	09/11/2021	từ 11/9/2021 đến 26/9/2021	1.855.000	Đặng Thị Mỹ Diện - STK: 632704060061587 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371350832	
3	Trần Huy Hải	CMRG	Không xác định thời hạn	12/01/2017	9111000519	08/11/2021	từ 11/8/2021 đến 27/8/2021	1.855.000	Trần Huy Hải - STK: 632704060045057 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371177026	
4	Danh Thị Thùy Vung	CMRG	Không xác định thời hạn	12/01/2017	9114005149	08/07/2021	từ 7/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Danh Thị Thùy Vung - STK: 632704060043399 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371378661	
5	Ngô Thị Hồng Phương	CMRG	Xác định thời hạn	10/01/2019	9122100655	08/12/2021	từ 12/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Ngô Thị Hồng Phương - STK: 632704060082057 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371955656	
6	Lê Tùng Châu	CMRG	Không xác định thời hạn	12/01/2017	9114005091	09/01/2021	từ 1/9/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Lê Tùng Châu - STK: 632704060043437 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	370967549	
7	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	CMRG	Xác định thời hạn	14/02/2020	9124053961	23/8/2021	từ 23/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hồng Nguyên - STK: 632704060082148 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371804999	

8	Trần Thị Ngọc Bích		Không xác định thời hạn	16/10/2020	9123798278	08/07/2021	từ 7/8/2021 đến 30/9/2021	3.710.000	Trần Thị Ngọc Bích - STK: 632704060068338 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371413870	
22.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai**							**1.000.000**			
Stt	**Họ và tên**			**Thứ tự tại mục 22.1**				**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/thẻ căn cước công dân**	**Ghi chú**
1	Trần Thị Ngọc Bích			8				1.000.000	Trần Thị Ngọc Bích - STK: 632704060068338 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371413870	
22.3	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**5.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 22.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phạm Hồng Thanh	1	Nguyễn Phạm Hồng Ngọc	23/3/2016	Nguyễn Thanh Vũ		371210071	1.000.000	Phạm Hồng Thanh - STK: 632704060044099 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371013221	
2	Đặng Thị Mỹ Diện	2	Trương Bảo Trân	27/3/2018	Trương Minh Dũng			1.000.000	Đặng Thị Mỹ Diện - STK: 632704060061587 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371350832	
3	Trần Huy Hải	3	Trần Phạm Ngọc Anh	25/11/2018	Phạm Kiều Ngân		371548170	1.000.000	Trần Huy Hải - STK: 632704060045057 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371177026	
4	Danh Thị Thùy Vung	4	Phan Phúc Hưng	08/12/2020	Phan Hoàng Phi		371331259	1.000.000	Danh Thị Thùy Vung - STK: 632704060043399 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371378661	
5	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	7	Hồng Ngọc Bảo Trân	27/2/2021	Hồng Thiện Măng		371170086	1.000.000	Nguyễn Thị Hồng Nguyên - STK: 632704060082148 - Ngân hàng VIB Kiên Giang	371804999	
XXIII	**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH VỆ SINH CÔNG NGHIỆP GIA HƯNG**							**119.010.000**			
23.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**115.010.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**

1	Lý Thị Bích Vân	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9116013468	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lý Thị Bích Vân STK: 7790205156360 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	370903339	
2	Đoàn Thị Thúy Loan	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9124072444	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Đoàn Thị Thúy Loan STK: 7790205212910 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	370811184	
3	Nguyễn Thị Tiếm	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	8925537141	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Tiếm STK: 7790205201358 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	351667016	
4	Nguyễn Thị Hương	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	0125451882	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hương STK: 7790205205631 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	1182014339	
5	Trần Thị Thủy Triều	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9123551784	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Thị Thủy Triều STK: 7790205242303 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371462469	
6	Đặng Thị Thanh Hoài	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9121906032	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Đặng Thị Thanh Hoài STK: 7790205241142 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371665152	
7	Trần Ngọc Bích	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9124176845	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Ngọc Bích STK: 7790205242819 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	370918038	
8	Trần Hoài An	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9124003675	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Hoài An STK: 7790205218049 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371807630	
9	Trần Vũ Anh Tuấn	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9123096195	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Vũ Anh Tuấn STK: 7790205214395 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371742931	

10	Trương Phú Lộc	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9114009709	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trương Phú Lộc STK: 7790205218656 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371570880	
11	Nguyễn Trọng Anh	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	8925739021	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Trọng Anh STK: 7790205228847 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	352619472	
12	Phạm Hùng Cường	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9123111663	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Phạm Hùng Cường STK: 7790205253844 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371878067	
13	Đậu Đức Đạt	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9123096875	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Đậu Đức Đạt STK: 2801205242099 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	372084674	
14	Phạm Minh Đức	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9123056180	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Phạm Minh Đức STK: 7790205276993 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	163450819	
15	Lê Công Minh	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	3821907115	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Công Minh STK: 7790205218213 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	175001621	
16	Nguyễn Thanh Duy	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	8914003141	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Duy STK: 7790205221802 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	351483757	
17	Thái Hoàng Nhựt	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9123065540	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Thái Hoàng Nhựt STK: 7790205193872 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371634992	
18	Trần Đức Lân	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9124100412	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Đức Lân STK: 7790205220874 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371878721	

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH KIÊN GIANG

19	Võ Hoàng Gia	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9123090019	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Võ Hoàng Gia STK: 7790205216332 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371648259	
20	Trần Văn Diểu	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9116011379	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Văn Diểu STK: 7790205144361 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	350894571	
21	Trần Thanh Hiền	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9115011741	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Trần Thanh Hiền STK: 7790205144260 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	370480967	
22	Lê Tiến Thành	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9124100414	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Tiến Thành STK: 7790205137576 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371731064	
23	Cao Văn Tèo	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9124072446	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Cao Văn Tèo 7790205209235 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	370721017	
24	Ngô Thanh Lợi	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	8421476361	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Ngô Thanh Lợi 7790205254433 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	334577751	
25	Võ Minh Thắng	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9123129150	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Võ Minh Thắng STK: 7790205255987 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	370930543	
26	Phạm Ngọc Thành	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	6622261739	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Phạm Ngọc Thành STK: 7790205239090 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	241245511	
27	Danh Trụ	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9111001055	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Danh Trụ STK: 7790205241346 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371220877	

28	Lê Việt Linh	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9123046886	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Lê Việt Linh STK: 7790205259472 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371371954	
29	Nguyễn Đăng Khoa	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9123083714	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Nguyễn Đăng Khoa STK: 7790205262533 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371951107	
30	Huỳnh Trà Bo	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9123109553	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Huỳnh Trà Bo STK: 7790205277792 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371951488	
31	Văn Thị Thúy Hằng	Nhân viên	Có thời hạn	02/01/2021	9124044395	19/07/2021	19/07/2021 đến 30/09/2021	3.710.000	Văn Thị Thúy Hằng STK: 7790205188712 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	370959058	
23.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**4.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 23.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**				**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**	
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**	**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	
1	Nguyễn Thị Tiếm	3	Nguyễn Thị Cẩm Thi	08/03/2016			1.000.000	Nguyễn Thị Tiếm STK: 7790205201358 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	351667016	Mẹ đơn thân	
2	Thái Hoàng Nhựt	17	Thái Hoàng Nguyên	08/01/2020	Nguyễn Thị Trúc Linh	371808040	1.000.000	Thái Hoàng Nhựt STK: 7790205193872 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371634992		
3	Lê Tiến Thành	22	Lê Quỳnh Đan	26/06/2019	Nguyễn Thị Kim	371715194	1.000.000	Lê Tiến Thành STK: 7790205137576 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	371731064		
4	Võ Minh Thắng	25	Võ Đặng Khánh An	16/01/2021	Đặng Thị Hằng	371715167	1.000.000	Võ Minh Thắng STK: 7790205255987 Ngân hàng Agribank –CN Phú Quốc	370930543		
XXIV	**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC ANH NGỮ QUỐC TẾ MỸ VIỆT**						**4.710.000**				

24.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							3.710.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Trần Thị Thúy An	Nhân viên tư vấn	Có thời hạn	T1/2021	9110000783	06/01/2021	1/6/2021 - 1/08/2021	3.710.000	0091000605215, Trần Thị Thúy An, Vietcombank	371246461	
24.2	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em							1.000.000			
Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 24.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng					Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2		Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Thúy An	1	Trần Đức Phúc	12/04/2020	Trần Đức Trọng		371877199	1.000.000	0091000605215, Trần Thị Thúy An, Vietcombank	371246461	
XXV	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ MẶT TRỜI ĐỎ							39.100.000			
25.1	Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương							37.100.000			
Stt	Họ và Tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
1	Lê Quốc Định	Quản lý nhà hàng	Hợp đồng xác định thời hạn	06/08/2018	7912340461	06/01/2021	01/06/2021-31/10/2021	3.710.000	Lê Quốc Định , 19034125432010 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371370173	
2	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Nhân viên Bếp 2	Hợp đồng xác định thời hạn	20/6/2018	9116017035	06/01/2021	01/06/2021-31/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Cẩm Nhung . 104866761569 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371168134	

3	Trần Chí Phúc	Nhân viên Phục vụ 1	Hợp đồng xác định thời hạn	01/01/2021	9121684561	06/01/2021	01/06/2021-31/10/2021	3.710.000	Trần Chí Phúc , 104871769654 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	372013182	
4	Phạm Thị Cẩm Minh	Giám sát nhà hàng	Hợp đồng xác định thời hạn	02/01/2021	9121691149	06/01/2021	01/06/2021-31/10/2021	3.710.000	Phạm Thị Cẩm Minh , 19036607160010 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371887080	
5	Võ Kim Chia	Nhân viên Bếp 1	Hợp đồng xác định thời hạn	05/01/2019	9121755311	06/01/2021	01/06/2021-31/10/2021	3.710.000	Võ Kim Chia , 106869599694 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	370811705	
6	Dương Thị Kiều Nhi	Nhân viên Thu ngân 1	Hợp đồng xác định thời hạn	02/01/2021	9121871415	06/01/2021	01/06/2021-31/10/2021	3.710.000	Dương Thị Kiều Nhi , 106872607089 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371870355	
7	Trương Thị Hiền	Nhân viên Bếp 1	Hợp đồng xác định thời hạn	20/9/2020	9121978862	06/01/2021	01/06/2021-31/10/2021	3.710.000	Trương Thị Hiền , 109868349073 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371582626	
8	Trương Tấn Tài	Nhân viên Bếp 1	Hợp đồng xác định thời hạn	03/01/2021	9121985764	06/01/2021	01/06/2021-31/10/2021	3.710.000	Trương Tấn Tài , 100872329337 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	372008874	
9	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nhân viên Phụ bếp	Hợp đồng xác định thời hạn	12/01/2020	9122760311	07/01/2021	01/07/2021-31/10/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Huyền Trang , 19035192282011 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371841320	
10	Trần Thị Hồng Lam	Nhân viên Bếp 1	Hợp đồng xác định thời hạn	01/01/2020	9123370104	07/01/2021	01/07/2021-31/10/2021	3.710.000	Trần Thị Hồng Lam , 19035135017018 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371918844	
25.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**							**2.000.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 25.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**					**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2**		**Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*

1	Lê Quốc Định	1	Lê Phong	07/04/2019	Lưu Kim Ngân		371573474	1.000.000	Lê Quốc Định , 19034125432010 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371370173	
2	Lê Quốc Định	1	Lê Vy	09/11/2017	Lưu Kim Ngân		371573474	1.000.000	Lê Quốc Định , 19034125432010 , Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	371370173	
XXVI	**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN KIÊN GIANG (KISIMEX)**							**645.150.000**			
26.1	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**							**612.150.000**			
Stt	**Họ và Tên**	**Phòng ban, phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ**	**Số sổ bảo hiểm**	**Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương**	**Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/ Thẻ CCCD**	**Ghi chú**
1	Trần Thị Yên Trang	Trưởng phòng Nhân sự	Hợp đồng không xác định	4/2003	5306000958	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Yên Trang, 0091000277221, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370994884	Văn phòng
2	Vương Ngọc Thanh	Nhân viên Lao động tiền lương XN An	Hợp đồng không xác định	6/2007 (Tiếp tục 10/2008)	9108004374	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Vương Ngọc Thanh, 0091000276277, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370762659	Văn phòng
3	Trần Thị Phi Yến	Nhân viên Văn thư - lễ tân	Hợp đồng không xác định	06/2013	9113001538	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Phi Yến, 0091000578530, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371076076	Văn phòng
4	Nguyễn Văn Nên	Nhân viên (tài xế)	Hợp đồng không xác định	03/2009	9109004523	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Nên, 0091000376664, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370694553	Văn phòng
5	Lê Hồng Trinh	Nhân viên Tạp vụ	Hợp đồng 01 năm xác định	11/2020	5301002746	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Hồng Trinh, 0091000280001, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371699324	Văn phòng
6	Ngô Thị Minh Trinh	Kế toán trưởng	Hợp đồng không xác định	07/2009	9109005595	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Ngô Thị Minh Trinh, 0091000428124, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370918085	Văn phòng
7	Trương Thị Hồng Diễn	Phó Phòng Kế toán	Hợp đồng không xác định	04/2004	5305002810	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trương Thị Hồng Diễn, 0091000570438, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370771611	Văn phòng
8	Vương Ân	Kế toán Kho Thành phẩm, vật tư	Hợp đồng không xác định	10/2008	9108010843	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Vương Ân, 0091000361781, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370931917	Văn phòng

9	Lâm Hồng Minh Châu	Nhân viên ngân hàng	Hợp đồng không xác định	11/2016	9111007515	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lâm Hồng Minh Châu, 0091000554280, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	385509234	Văn phòng
10	Hồng Ngọc Thơ	Thủ quỹ	Hợp đồng không xác định	07/2015	9115000899	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Hồng Ngọc Thơ, 0091000121334, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	381357161	Văn phòng
11	Lê Thị Liêl	Kế toán thu chi	Hợp đồng không xác định	10/2008	9108010270	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Liêl, 0091000349730, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371241101	Văn phòng
12	Phan Thị Yến Phương	Nhân viên nguyên liệu	Hợp đồng không xác định	01/2012	9112001386	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Phan Thị Yến Phương, 0091000575803, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371370682	Văn phòng
13	Trần Như Túy Trang	Trưởng phòng kinh doanh	Hợp đồng không xác định	04/2004	5306000628	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Như Túy Trang, 0091000057980, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370770223	Văn phòng
14	Chiêm Quốc Sử	Nhân viên theo dõi Kế hoạch xuất	Hợp đồng không xác định	12/2009	9110000275	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Chiêm Quốc Sử, 0091000464614, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370943559	Văn phòng
15	Nguyễn Bảo Quý	Nhân viên Phòng Kinh doanh	Hợp đồng không xác định	03/2016	9116000220	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Bảo Quý, 0091000613496, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371601121	Văn phòng
16	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nhân viên Phòng Kinh doanh	Hợp đồng không xác định	10/2011	9111011005	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngọc Diễm, 0091000564630, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	334175544	Văn phòng
17	Du Ngọc Thuyền	Nhân viên Phòng Kinh doanh	Hợp đồng không xác định	05/2013	9113006623	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Du Ngọc Thuyền, 0091000578456, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371503079	Văn phòng
18	Huỳnh Trung Chánh	Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật	Hợp đồng không xác định	09/1994	5398003030	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Huỳnh Trung Chánh, 0091000582157, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370715226	Văn phòng
19	Nguyễn Chí Nhân	Trưởng Phòng Công nghệ (Phụ trách	Hợp đồng không xác định	01/2011	9111006024	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Chí Nhân, 0091000575404, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371025336	Văn phòng
20	Phạm Thị Quỳnh Anh	Phó Phòng Công nghệ	Hợp đồng không xác định	09/2003	5304003608	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Phạm Thị Quỳnh Anh, 0091000273144, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370906948	Văn phòng
21	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Nhân viên Phòng Công nghệ	Hợp đồng không xác định	07/2015	7909012561	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hồng Thảo, 0091000599910, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	025408306	Văn phòng
22	Thị Hồng Huỳnh	Nhân viên Phòng công nghệ	Hợp đồng không xác định	01/2013	9113001110	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Thị Hồng Huỳnh, 0091000575321, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371238149	Văn phòng
23	Đỗ Quốc Việt	Nhân viên Phòng công nghệ	Hợp đồng 01 năm xác định	11/2020	9122612668	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Đỗ Quốc Việt, 1014432038, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371822215	Văn phòng
24	Ngô Văn Gương	Nhân viên Bảo vệ tại Công ty	Hợp đồng 3 năm xác định	11/2017	9123213247	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Ngô Văn Gương, 0091000619860, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	091060000644	Văn phòng

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

25	Trần Văn Chí Tâm	Nhân viên Bảo vệ tại Công ty	Hợp đồng 3 năm xác định	04/2019	9116002185	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Văn Chí Tâm, 0091000622798, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371174740	Văn phòng
26	Trần Văn Phát	Nhân viên Bảo vệ tại Công ty	Hợp đồng 3 năm xác định	04/2019	9114001296	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Văn Phát, 0091000659221, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371229121	Văn phòng
27	Nguyễn Thế Quốc	Công nhân Bốc xếp hàng kho TP	Hợp đồng không xác định	10/2005	5306004559	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thế Quốc, 0091000276986, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370807491	Văn phòng
28	Trần Thanh Tuấn	Công nhân Bốc xếp hàng kho TP	Hợp đồng không xác định	04/2001	5307002134	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thanh Tuấn, 0091000576028, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370753175	Văn phòng
29	Trần Văn Út	Công nhân Bốc xếp hàng kho TP	Hợp đồng 01 năm xác định	03/2021	9116023856	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Văn Út, 1017065245, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371393070	Văn phòng
30	Trần Quốc Kha	Công nhân Bốc xếp hàng kho TP	Hợp đồng 3 năm xác định	11/2016	9116002183	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Quốc Kha, 0091000608693, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371813169	Văn phòng
31	Phạm Quốc Thắng	Công nhân Bốc xếp hàng kho TP	Hợp đồng 01 năm xác định	11/2020	9116006277	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Phạm Quốc Thắng, 1014432975, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371403200	Văn phòng
32	Nguyễn Văn Thắng	Thành viên ban quản đốc XNAH	Hợp đồng 3 năm xác định	07/2020	5305000675	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thắng, 0091000575774, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371779089	XN An Hòa
33	Lê Chí Nguyện	Tổ phó Tổ KCS	Hợp đồng 3 năm xác định	06/2018	9108010785	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Chí Nguyện, 0091000575761, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	381332544	XN An Hòa
34	Tô Thị Nhanh	Nhân viên KCS	Hợp đồng không xác định	03/2017	5305000728	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Tô Thị Nhanh, 0091000576077, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370874660	XN An Hòa
35	Huỳnh Kim Hồng	Nhân viên KCS	Hợp đồng không xác định	03/2017	5398002832	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Huỳnh Kim Hồng, 0091000575773, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370778901	XN An Hòa
36	Vũ Thị Đượm	Nhân viên KCS	Hợp đồng không xác định	4/1991(01/1997)	5397001570	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Đượm, 0091000575759, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370769456	XN An Hòa
37	Ngô Thị Nhinh	Nhân viên KCS	Hợp đồng không xác định	6/1993 (Tiếp tục 01/1997)	5397001704	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Ngô Thị Nhinh, 0091000575925, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371049828	XN An Hòa
38	Lê Thanh Hiếu	Nhân viên KCS	Hợp đồng 01 năm xác định	06/2021	5306000960	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Thanh Hiếu, 0091000565226, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	225047592	XN An Hòa
39	Lưu Thanh Hải	Nhân viên KCS	Hợp đồng 01 năm xác định	06/2021	9122307311	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lưu Thanh Hải, 0931004208545, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	091096000133	XN An Hòa
40	AB ĐO ROH MANE	Tổ phó Cơ khí vận hành (Phụ trách vận hành)	Hợp đồng không xác định	4/1993 (01/1997)	5397001545	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	AB ĐO ROH MANE , 0091000575786, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371266381	XN An Hòa

41	Phạm Văn Trường	Công nhân Vận hành máy	Hợp đồng không xác định	07/2000	5301002447	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Phạm Văn Trường, 0091000576135, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370922491	XN An Hòa
42	Huỳnh Hán Sến	Công nhân Vận hành máy nước	Hợp đồng không xác định	07/2004	5307002677	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Huỳnh Hán Sến, 0091000576127, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370357407	XN An Hòa
43	Nguyễn Văn Trường	Công nhân Vận hành máy	Hợp đồng 3 năm xác định	04/2020	9122587763	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Trường, 0091000583856, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371222057	XN An Hòa
44	Nguyễn Văn Út	Tổ phó, Cơ khí vận hành (Phụ trách Cơ	Hợp đồng không xác định	04/2005	5307003227	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Út, 0091000575787, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371106477	XN An Hòa
45	Bùi Thế Mạnh	Công nhân Cơ khí sửa chữa	Hợp đồng không xác định	01/09/2016	9116001822	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Bùi Thế Mạnh, 0091000596794, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371541832	XN An Hòa
46	Danh Kha	Công nhân Bảo trì + Chăm sóc cây	Hợp đồng không xác định	11/2007	9108010789	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Danh Kha, 0091000575799, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370404314	XN An Hòa
47	Phan Lý Hùng	Công nhân Cơ khí sửa chữa	Hợp đồng 3 năm xác định	07/2020	9122822204	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Phan Lý Hùng, 1014431252, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371841738	XN An Hòa
48	Lê Hữu Ninh	Thủ kho Vật tư (bao bì, hóa chất)	Hợp đồng không xác định	05/1998	5398002898	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Hữu Ninh, 0091000576148, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371774760	XN An Hòa
49	Trần Thị Thanh Tâm	Thủ kho Thành phẩm	Hợp đồng 01 năm xác định	06/2021	5307002694	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Thanh Tâm, 0091000575800, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370991073	XN An Hòa
50	Nguyễn Thị Quyên	Nhân viên thống kê nguyên liệu	Hợp đồng không xác định	01/2000	5301002709	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Quyên, 0091000575805, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370934336	XN An Hòa
51	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nhân viên thống kê xếp khuôn	Hợp đồng không xác định	02/1991 (01/1997)	5397001714	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thùy Dung, 0091000575806, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370694520	XN An Hòa
52	Lều Thị Tươi	Tổ trưởng, Vệ sinh Công nghiệp	Hợp đồng không xác định	11/2007	9108010790	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lều Thị Tươi, 0091000575821, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371779027	XN An Hòa
53	Nguyễn Kim Lài	Công nhân Vệ sinh Công nghiệp	Hợp đồng không xác định	01/1998	5398002981	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Lài, 0091000576163, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371795603	XN An Hòa
54	Nguyễn Mạnh Thắng	Tổ trưởng tổ bảo quản	Hợp đồng không xác định	5/1995 (01/1997)	5397001741	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Mạnh Thắng, 0091000576100, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371804253	XN An Hòa
55	Vũ Văn Thanh	Công nhân tổ bảo quản	Hợp đồng không xác định	04/2001	5307002135	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Vũ Văn Thanh, 0091000576102, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371889336	XN An Hòa
56	Huỳnh Hữu Nghĩa	Công nhân tổ bảo quản	Hợp đồng không xác định	04/2008	9108009057	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Huỳnh Hữu Nghĩa, 0091000575823, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370751656	XN An Hòa

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

57	Nguyễn Văn Phúc	Công nhân tổ bảo quản	Hợp đồng không xác định	09/2009	9110000224	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Phúc, 0091000575834, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371439260	XN An Hòa
58	Trần Thị Ngọc Hiền	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng 3 năm xác định	06/2018	5307002701	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Ngọc Hiền, 0091000575839, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371029707	XN An Hòa
59	Lưu Thị Ngọc Mơ	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	05/2013	9113001541	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lưu Thị Ngọc Mơ, 0091000575902, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371269896	XN An Hòa
60	Lê Thị Điệp	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	04/2005	5306001760	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Điệp, 0091000575858, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371122448	XN An Hòa
61	Trần Thị Phương	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	04/2001	5305000770	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Phương, 0091000575856, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	034175002853	XN An Hòa
62	Trần Cẩm Hường	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	10/2008	9108010292	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Cẩm Hường, 0091000575874, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370843558	XN An Hòa
63	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	07/2015	5305001859	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Tuyết Nhung, 0091000585522, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370684985	XN An Hòa
64	Văng Thị Mỹ	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	10/1995	5397003080	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Văng Thị Mỹ, 0091000575804, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370684861	XN An Hòa
65	Trần Thị Thu Yên	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	01/2012	9112001383	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Thu Yên, 0091000576177, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370808961	XN An Hòa
66	Nguyễn Thị Thảo	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	01/1998	5398002969	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thảo, 0091000576192, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370471477	XN An Hòa
67	Quách Thị Phượng	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	03/2017	5307005133	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Quách Thị Phượng, 0091000606191, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370687155	XN An Hòa
68	RO HY MAH	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	01/2012	9112001380	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	RO HY MAH, 0091000576195, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	350775985	XN An Hòa
69	Thái Thị Kim Anh	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	06/2018	9122598362	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Thái Thị Kim Anh, 0091000650843, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371087002	XN An Hòa
70	Thị Đền	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	09/2009	9110000226	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Thị Đền, 0091000575911, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371103517	XN An Hòa
71	Nguyễn Thị Chi	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng 3 năm xác định	07/2020	9122313783	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Chi, 0091000646955, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371954863	XN An Hòa
72	Trần Thị Thùy Dương	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	09/2009	9110000204	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Thùy Dương, 0091000575985, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	362214729	XN An Hòa

73	Lê Việt Hồng	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng 01 năm xác định	06/2021	9121681801	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Việt Hồng, 0091000575864, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371127360	XN An Hòa
74	Lưu Kim Huệ	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng không xác định	03/2017	5398002771	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lưu Kim Huệ, 0091000575923, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370691992	XN An Hòa
75	Mai Thị Liên	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng không xác định	11/2004	9108002116	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Mai Thị Liên , 0091000575944, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371488146	XN An Hòa
76	Nguyễn Thị Phương Giang	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng không xác định	01/1998	5398002384	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Phương Giang, 0091000575933, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370894356	XN An Hòa
77	Dương Thị Hồng	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng không xác định	07/2000	5301002790	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Dương Thị Hồng, 0091000575920, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371822401	XN An Hòa
78	Vũ Thị Lụa	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng không xác định	06/2004	5306001799	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Lụa, 0091000575946, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371247808	XN An Hòa
79	Lê Thị Tuyết Nhung	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng không xác định	03/2004	5306001782	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Tuyết Nhung, 0091000575916, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370919794	XN An Hòa
80	Dương Thị La	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng không xác định	04/2001	5305000741	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Dương Thị La, 0091000575917, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	151261885	XN An Hòa
81	Ngô Nhật Tân	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng không xác định	06/2011	9111006955	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Ngô Nhật Tân, 0091000575938, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371098573	XN An Hòa
82	Dương Thị Diễm	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng 3 năm xác định	08/2019	9108010811	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Dương Thị Diễm, 0091000575904, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371421731	XN An Hòa
83	Lê Thị Lụa	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng không xác định	07/2015	9115000908	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Lụa, 0091000575997, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371384230	XN An Hòa
84	Lê Thị Minh Thùy	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng 3 năm xác định	08/2019	5305000731	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Minh Thùy, 0091000575905, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371189039	XN An Hòa
85	Lê Ngọc Nhu	Công nhân tổ Phân loại	Hợp đồng không xác định	11/2008	9109004192	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Ngọc Nhu, 0091000576218, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370859029	XN An Hòa
86	Trần Thị Hiên	Công nhân tổ Sushi	Hợp đồng không xác định	01/1998	5398002738	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Hiên, 0091000575956, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371186165	XN An Hòa
87	Trần Thị Thuần	Công nhân tổ Sushi	Hợp đồng không xác định	03/2004	5307002708	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Thuần, 0091000575991, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371633926	XN An Hòa
88	Hoàng Thị Minh	Công nhân tổ Sushi	Hợp đồng không xác định	01/1999	5301002479	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Hoàng Thị Minh, 0091000576140, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	372038333	XN An Hòa

89	Nguyễn Thị Hà	Công nhân tổ Sushi	Hợp đồng không xác định	10/1995	5397003199	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hà , 0091000575970, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371473960	XN An Hòa
90	Vũ Thị Hường	Công nhân tổ Sushi	Hợp đồng không xác định	01/2000	5305000732	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Hường, 0091000576008, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371453984	XN An Hòa
91	Hà Thị Yến Trang	Công nhân tổ Sushi	Hợp đồng không xác định	11/2005	5307002748	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Hà Thị Yến Trang, 0091000575981, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371595528	XN An Hòa
92	Trần Thị Ánh	Công nhân tổ Sushi	Hợp đồng không xác định	01/2000	5305000697	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Ánh, 0091000575964, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371371676	XN An Hòa
93	Trần Cẩm Chúc	Công nhân tổ Sushi	Hợp đồng không xác định	06/2008	9108008307	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Cẩm Chúc, 0091000576001, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370956740	XN An Hòa
94	Trần Thị Bính	Công nhân tổ Sushi	Hợp đồng không xác định	01/2012	9112001388	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Bính, 0091000575822, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370423310	XN An Hòa
95	Du Kim Tuyết	Công nhân tổ Sushi	Hợp đồng 3 năm xác định	08/2019	9122366089	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Du Kim Tuyết, 0091000575965, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370948784	XN An Hòa
96	Đỗ Thị Hạnh Quyên	Công nhân tổ Sushi	Hợp đồng 3 năm xác định	08/2019	5307002722	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Đỗ Thị Hạnh Quyên, 0091000575810, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371254915	XN An Hòa
97	Trịnh Loan	Tổ trưởng tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	01/1998	5398002720	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trịnh Loan, 0091000576085, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370817157	XN An Hòa
98	Nguyễn Phương Loan	Tổ trưởng tổ Sushi	Hợp đồng không xác định	01/2000	5305000694	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Phương Loan, 0091000575781, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370516589	XN An Hòa
99	Lê Thị Cẩm Giang	Công nhân tổ Xếp khuôn (Cân TP)	Hợp đồng không xác định	02/2008	9108010804	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Cẩm Giang, 0091000575880, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371052431	XN An Hòa
100	Nguyễn Thị Kim Anh	Công nhân tổ Xếp khuôn (Cân TP)	Hợp đồng không xác định	01/2004	5306001781	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Anh, 0091000576033, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371256680	XN An Hòa
101	Nguyễn Thị Thu Mai	Công nhân tổ Xếp khuôn (Cân TP)	Hợp đồng không xác định	01/2000	5305000679	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thu Mai, 0091000575983, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370827597	XN An Hòa
102	Nguyễn Thị Kim Liên	Công nhân tổ Xếp khuôn (Cân TP)	Hợp đồng không xác định	05/2013	9113001540	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Liên, 0091000575897, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371256657	XN An Hòa
103	Hà Thị Thu Thảo	Công nhân tổ Xếp khuôn (Rửa TP)	Hợp đồng không xác định	11/2017	9109002787	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Hà Thị Thu Thảo, 0091000575894, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371510119	XN An Hòa
104	Nguyễn Thị Lùng	Công nhân tổ Xếp khuôn (Rửa TP)	Hợp đồng không xác định	07/2015	9115000917	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Lùng, 0091000575865, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370719707	XN An Hòa

105	Tô Thị Dinh	Công nhân tổ Xếp khuôn (BC)	Hợp đồng không xác định	04/2001	5305000757	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Tô Thị Dinh, 0091000576155, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	031174001762	XN An Hòa
106	Lê Thị Thúy	Công nhân tổ Xếp khuôn (BC)	Hợp đồng không xác định	03/2017	5397001677	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Thúy, 0091000575876, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371144467	XN An Hòa
107	Nguyễn Hoài Chi	Công nhân tổ Xử lý	Hợp đồng không xác định	12/2017	9111006976	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Hoài Chi, 0091000576026, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370728282	XN An Hòa
108	Hồng Thanh Chinh	Công nhân tổ Xếp khuôn (BC)	Hợp đồng không xác định	11/2008	9109004154	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Hồng Thanh Chinh, 0091000575945, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370630517	XN An Hòa
109	Thị Mỹ Hoàng	Công nhân tổ Xếp khuôn (BC)	Hợp đồng không xác định	03/2017	5301002680	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Thị Mỹ Hoàng, 0091000588889, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370694586	XN An Hòa
110	Trương Thị Hồng Đào	Công nhân tổ Xếp khuôn (BC)	Hợp đồng không xác định	07/2015	9115000918	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trương Thị Hồng Đào, 0091000590291, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371173171	XN An Hòa
111	Nguyễn Trường Giang	Công nhân tổ Xếp khuôn (BC)	Hợp đồng không xác định	03/2017	9109004170	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Trường Giang, 0091000575819, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	351596857	XN An Hòa
112	Đặng Dung Trang	Công nhân tổ Xếp khuôn (BC)	Hợp đồng không xác định	11/2008	9109004221	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Đặng Dung Trang, 0091000576157, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370600096	XN An Hòa
113	Huỳnh Thị Thu Thảo	Công nhân tổ Xếp khuôn (BC)	Hợp đồng 3 năm xác định	08/2019	9123920454	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Thu Thảo, 0091000600526, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371554138	XN An Hòa
114	Trần Thị Thu Hai	Công nhân tổ Xếp khuôn (BC)	Hợp đồng không xác định	07/2005	5307002740	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Thu Hai , 0091000576011, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371323516	XN An Hòa
115	Nguyễn Trung Kiên	Tổ phó tổ cấp đông	Hợp đồng không xác định	10/2010	9110006232	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Trung Kiên, 0091000576035, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370991193	XN An Hòa
116	Trần Hải Long	Công nhân tổ cấp đông	Hợp đồng không xác định	05/2005	9108010798	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Hải Long, 0091000576059, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371371551	XN An Hòa
117	Danh Sơn	Công nhân tổ cấp đông	Hợp đồng không xác định	01/2012	9112001389	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Danh Sơn, 0091000576036, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370352372	XN An Hòa
118	Nguyễn Thị Hường	Công nhân tổ cấp đông	Hợp đồng không xác định	01/2005 (11/2007)	5306001741	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hường, 0091000576041, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371675846	XN An Hòa
119	MARI YAH	Công nhân tổ cấp đông	Hợp đồng không xác định	9/1994 (Tiếp tục 01/1997)	5397001705	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	MARI YAH, 0091000575814, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370679367	XN An Hòa
120	Trần Phú Đức	Công nhân tổ cấp đông	Hợp đồng không xác định	03/2017	5397003064	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Phú Đức, 0091000576134, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370705123	XN An Hòa

121	Trần Dủ Hổ	Công nhân tổ cấp đông	Hợp đồng không xác định	03/2017	9109004156	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Dủ Hổ, 0091000576165, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371193282	XN An Hòa
122	Dành Trai	Nhóm trưởng tổ cấp đông	Hợp đồng không xác định	03/2017	9112010102	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Danh Trai, 0091000575948, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371184380	XN An Hòa
123	Nguyễn Quốc Khanh	Công nhân tổ cấp đông	Hợp đồng 01 năm xác định	06/2021	9123751871	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Quốc Khanh, 0091000685139, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370934286	XN An Hòa
124	Nguyễn Minh Mẫn	Quản đốc, Xí Nghiệp Kisimex Rạch	Hợp đồng không xác định	04/2017	9116004231	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Minh Mẫn, 0091000300279, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370930517	XN Rạch Giá
125	Lê Phong Phúc	Thành viên ban quản đốc	Hợp đồng không xác định	01/2004	9108010746	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Phong Phúc , 0091000577480, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	363975484	XN Rạch Giá
126	Nhan Hồng Hà	Nhân viên Thu mua nguyên liệu	Hợp đồng không xác định	7/1994 (01/1997)	5397001746	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nhan Hồng Hà , 0091000563416, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370500952	XN Rạch Giá
127	Phan Thị Hân	Nhân viên HACCP	Hợp đồng không xác định	02/2014	9114000241	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Phan Thị Hân, 0091000580674, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371986854	XN Rạch Giá
128	Sơn Thanh	Nhân viên KCS	Hợp đồng không xác định	11/2007	9108010747	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Sơn Thanh, 0091000577349, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	385078560	XN Rạch Giá
129	Nguyễn Thanh Phú	Nhân viên KCS	Hợp đồng không xác định	05/2003	5306000247	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Phú , 0091000577353, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370967805	XN Rạch Giá
130	Danh Phúc Hậu	Nhân viên KCS	Hợp đồng 03 năm xác định	11/2019	9122619551	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Danh Phúc Hậu, 0091000679345, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371961022	XN Rạch Giá
131	Nguyễn Hà Nội	Nhân viên KCS	Hợp đồng 03 năm xác định	07/2020	9122218368	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Hà Nội, 1014375267, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371758964	XN Rạch Giá
132	Lý Quốc Tín	Nhân viên KCS	Hợp đồng 01 năm xác định	06/2021	9122900813	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lý Quốc Tín, 1016067591, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371990140	XN Rạch Giá
133	Trần Tuấn Thanh	Thủ kho Thành phẩm	Hợp đồng không xác định	04/2008	9108008284	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Tuấn Thanh, 0091000577357, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371282908	XN Rạch Giá
134	Nguyễn Kim Ngân	Nhân viên, Cân ghi năng suất	Hợp đồng không xác định	04/2017	9116004232	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Ngân, 0091000567783, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371348092	XN Rạch Giá
135	Trần Văn Hòa	Nhân viên, Cân ghi năng suất	Hợp đồng không xác định	07/2015	9115000903	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Văn Hòa, 0841000008422, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371385901	XN Rạch Giá
136	Dương Ngọc Phương	Nhân viên, Cân ghi năng suất	Hợp đồng 03 năm xác định	01/04/2020	9122321062	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Dương Ngọc Phương, 1017739036, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371385000	XN Rạch Giá

137	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nhân viên, Cán bộ năng giá	Hợp đồng 01 năm xác định	03/2021	5398003011	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngọc Bích, 0091000575807, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370694521	XN Rạch Giá
138	Nguyễn Văn Đoàn	Tổ trưởng tổ cơ khí VHM	Hợp đồng không xác định	11/2017	5307003229	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Đoàn, 0091000577468, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370975570	XN Rạch Giá
139	Nguyễn Thanh Tâm	Công nhân Cơ khí vận hành	Hợp đồng không xác định	07/2011	9111006855	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Tâm, 0091000577478, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371279984	XN Rạch Giá
140	Nguyễn Anh Quốc	Công nhân Cơ khí vận hành	Hợp đồng không xác định	07/2011	9111006857	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Anh Quốc, 0091000577366, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371398830	XN Rạch Giá
141	Thái Mẫn Hậu	Công nhân Cơ khí vận hành	Hợp đồng không xác định	01/2012	9112000037	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Thái Mẫn Hậu, 0091000577628, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371162974	XN Rạch Giá
142	Trần Quốc Hiền	Công nhân Cơ khí vận hành	Hợp đồng không xác định	04/2014	9114000341	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Quốc Hiền, 0091000577432, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371323017	XN Rạch Giá
143	Nguyễn Trọng Nghĩa	Công nhân Cơ khí vận hành	Hợp đồng không xác định	09/2016	9116001823	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Trọng Nghĩa, 0091000622476, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371563139	XN Rạch Giá
144	Bùi Thế Minh	Công nhân Cơ khí sửa chữa	Hợp đồng không xác định	06/2018	9122323707	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Bùi Thế Minh, 0091000645825, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371756403	XN Rạch Giá
145	Lý Đình Sang	Công nhân Cơ khí sửa chữa	Hợp đồng 03 năm xác định	07/2020	9122809103	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lý Đình Sang, 1017022149, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371910534	XN Rạch Giá
146	Âu Thị Thu Yến	Tổ trưởng, Vệ sinh công nghiệp	Hợp đồng không xác định	10/1995	5397003272	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Âu Thị Thu Yến , 0091000577369, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370771717	XN Rạch Giá
147	Dương Ngọc Giàu	Công nhân Vệ sinh Công nghiệp	Hợp đồng 03 năm xác định	07/2020	9110006114	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Dương Ngọc Giàu, 0091000577370, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370614007	XN Rạch Giá
148	Lê Công Bảng	Nhân viên Bảo vệ tại XN RG	Hợp đồng không xác định	04/1994	5397003391	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Công Bảng, 0091000280487, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370739124	XN Rạch Giá
149	Dương Văn Hải	Nhân viên Bảo vệ tại XN RG	Hợp đồng 03 năm xác định	01/04/2020	9122744156	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Dương Văn Hải, 0091000654894, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370621792	XN Rạch Giá
150	Lê Văn Thắng	Nhân viên Bảo vệ tại XN RG	Hợp đồng 03 năm xác định	01/04/2020	9123222338	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Văn Thắng, 0091000684720, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370746696	XN Rạch Giá
151	Lê Văn Song	Nhân viên Bảo vệ tại XN RG	Hợp đồng không xác định	11/2017	9123297164	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lê Văn Song, 0091000636179, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370369212	XN Rạch Giá
152	Đậu Thị Bình	Tổ trưởng, Xử lý	Hợp đồng không xác định	10/1995	5397003266	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Đậu Thị Bình, 0091000577524, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370684628	XN Rạch Giá

153	Thị Đia	Công nhân Xử lý	Hợp đồng không xác định	04/2017	9116004227	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Thị Đia, 0091000642972, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371328478	XN Rạch Giá
154	Mai Thị Hồng Duyên	Công nhân Xử lý	Hợp đồng 03 năm xác định	07/2020	9122731588	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Mai Thị Hồng Duyên, 1023921101, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371303950	XN Rạch Giá
155	Trần Thị Kiều	Công nhân Xử lý	Hợp đồng 03 năm xác định	07/2020	9123663688	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Kiều, 1023918369, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371149215	XN Rạch Giá
156	Trần Thị Phường	Công nhân Xử lý	Hợp đồng 03 năm xác định	07/2020	9122800967	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Phường, 1023918586, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	370931393	XN Rạch Giá
157	Ngô Thị Lúi	Công nhân Xử lý	Hợp đồng 03 năm xác định	07/2020	9122342399	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Ngô Thị Lúi, 1023921442, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371384886	XN Rạch Giá
158	Lưu Thị Kim Huyền	Công nhân xé bọc	Hợp đồng không xác định	04/2017	9116004229	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Lưu Thị Kim Huyền, 0091000578639, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371327955	XN Rạch Giá
159	Nguyễn Khắc Cường	Công nhân tổ cấp đông	Hợp đồng 01 năm xác định	06/2021	9121639868	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Khắc Cường, 1023930318, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	370851278	XN Rạch Giá
160	Danh Út Tốt	Công nhân Đông lạnh	Hợp đồng 01 năm xác định	06/2021	9122344872	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Danh Út Tốt, 7709205141047, Ngân hàng NN &PTNT Việt Nam	371078014	XN Rạch Giá
161	Trần Phi Hùng	Công nhân Chả cá	Hợp đồng 01 năm xác định	06/2021	9123021385	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Trần Phi Hùng, 7703205218561, Ngân hàng NN &PTNT Việt Nam	371954668	XN Rạch Giá
162	Ngô Thanh Hữu	Công nhân tổ bảo quản	Hợp đồng không xác định	03/2017	9116003745	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Ngô Thanh Hữu, 0091000612166, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371146841	XN Rạch Giá
163	Danh Sĩ	Công nhân Đông lạnh	Hợp đồng 03 năm xác định	07/2020	9123897429	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Danh Sĩ, 7709205147615, Ngân hàng NN &PTNT Việt Nam	371954046	XN Rạch Giá
164	Danh Bé Thanh	Công nhân Đông lạnh	Hợp đồng 03 năm xác định	07/2020	9122268388	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Danh Bé Thanh, 7709205147594, Ngân hàng NN &PTNT Việt Nam	371546344	XN Rạch Giá
165	Danh Thanh Nam	Công nhân Đông lạnh	Hợp đồng 01 năm xác định	06/2021	9122374028	23/07/2021	ngày 23/07/2021 đến 31/08/2021	3.710.000	Danh Thanh Nam, 7709205147609, Ngân hàng NN &PTNT Việt Nam	371918612	XN Rạch Giá
26.2	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang mang thai**							**4.000.000**			
Stt	**Họ và tên**			**Thứ tự tại mục 26.1**				**Số tiền hỗ trợ**	**Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, Ngân hàng)**	**Số CMT/thẻ căn cước công dân**	**Ghi chú**
1	Phan Thị Yến Phương			12				1.000.000	Phan Thị Yến Phương -0091000575803- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	371370682	Văn phòng Cty

2	Lê Thị Lụa	83	1.000.000	Lê Thị Lụa - 0091000575997- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	371384230	XN Kisimex An Hòa
3	Nguyễn Thị Kim Anh	100	1.000.000	Nguyễn Thị Kim Anh - 0091000576033- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	371384230	XN Kisimex An Hòa
4	Nguyễn Kim Ngân	134	1.000.000	Nguyễn Kim Ngân - 0091000575803- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	371348092	XN Kisimex Rạch Giá
26.3	**Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**		**29.000.000**			

Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 26.1	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/ Thẻ CCCD	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Trần Thị Phi Yến	3	Huỳnh Ngọc Thiên Kim	08/10/2018	Huỳnh Ngọc Thắng	371266707	1.000.000	Trần Thị Phi Yến, 0091000578530, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371076076	
2	Ngô Thị Minh Trinh	6	Vương Bảo Trân	27/04/2017	Vương Ân	370931917	1.000.000	Ngô Thị Minh Trinh, 0091000428124, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	370918085	
3	Hồng Ngọc Thơ	10	Nguyễn Hồng Triệu Vy	19/09/2017	Nguyễn Quốc Khánh	384626070	1.000.000	Hồng Ngọc Thơ, 0091000121334, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	381357161	
4	Lê Thị Liêl	11	Dương Thảo Anh	23/12/2020	Dương Văn Tự	371297656	1.000.000	Lê Thị Liêl, 0091000349730, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371241101	
5	Phan Thị Yến Phương	12	Nguyễn Gia Bảo Ngọc	08/11/2017	Nguyễn Xuân Chung	371421667	1.000.000	Phan Thị Yến Phương, 0091000575803, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371370682	
6	Du Ngọc Thuyền	17	Âu Du Gia Phú	02/02/2020	Âu Trường Long	371662772	1.000.000	Du Ngọc Thuyền, 0091000578456, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371503079	
7	Nguyễn Chí Nhân	19	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi	07/05/2017	Đỗ Ngọc Điệp	371121558	1.000.000	Nguyễn Chí Nhân, 0091000575404, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371025336	

8	Nguyễn Thị Hồng Thảo	21	Trần Ngọc Như Ý	31/10/2017	Trần Văn Hòa	371385901	1.000.000	Nguyễn Thị Hồng Thảo, 0091000599910, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	025408306	
9	Thị Hồng Huỳnh	22	Võ Thị Bảo Trân	07/10/2017	Võ Văn Đảm	371529751	1.000.000	Thị Hồng Huỳnh, 0091000575321, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371238149	
10	Nguyễn Văn Trường	43	Nguyễn Thị Thiên Kim	11/05/2017	Mai Thị Thủy	172704021	1.000.000	Nguyễn Văn Trường, 0091000583856, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371222057	
11	Bùi Thế Mạnh	45	Bùi Bảo Nhi	12/09/2020	Dương Thị Diễm My	371452465	1.000.000	Bùi Thế Mạnh, 0091000596794, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371541832	
12	Huỳnh Hữu Nghĩa	56	Huỳnh Thiên Kim	19/08/2019	Huỳnh Thị Phượng	091179000845	1.000.000	Huỳnh Hữu Nghĩa, 0091000575823, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370751656	
13	Trần Thị Ngọc Hiền	58	Lê Khánh Hưng	23/10/2018	Lê Văn Hòa	371187408	1.000.000	Trần Thị Ngọc Hiền, 0091000575839, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371029707	
14	Lưu Thị Ngọc Mơ	59	Huỳnh Lưu Cẩm Loan	01/03/2019	Huỳnh Thanh Luận	370807463	1.000.000	Lưu Thị Ngọc Mơ, 0091000575902, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371269896	
15	Trần Thị Thùy Dương	72	Danh Trần Khả Duyên	08/03/2016	Danh Hoàng Lâm	370902498	1.000.000	Trần Thị Thùy Dương, 0091000575985, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	362214729	
16	Ngô Nhật Tân	81	Nguyễn Ngô Như Ngọc	11/08/2017	Nguyễn Đức Chinh	371085148	1.000.000	Ngô Nhật Tân, 0091000575938, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371421731	
17	Dương Thị Diễm	82	Lê Ngọc Dung	21/05/2016	Lê Trí Dũng	370762761	1.000.000	Dương Thị Diễm, 0091000575904, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371384230	
18	Vũ Thị Hường	90	Phạm Vũ Ngọc Oanh	22/05/2019	Phạm Văn Duẩn	092082005382	1.000.000	Vũ Thị Hường, 0091000576008, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371453984	
19	Hà Thị Yến Trang	91	Lê Thanh Trúc	04/11/2017	Lê Hữu Bình	370919800	1.000.000	Hà Thị Yến Trang, 0091000575981, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	371595528	
20	Trần Cẩm Chúc	93	Danh Thị Ngọc Anh	13/01/2016	Danh Văn Hưng	371015646	1.000.000	Trần Cẩm Chúc, 0091000576001, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	370956740	

21	Đỗ Thị Hạnh Quyên	139	Nguyễn Chí Thiện	08/08/2017	Nguyễn Văn Đà	371166286	1.000.000	Đỗ Thị Hạnh Quyên, 0091000575810, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371254915	
22	Trần Thị Thu Hai	144	Nguyễn Thiện Nhân	12/02/2021	Nguyễn Văn Thanh	370894702	1.000.000	Trần Thị Thu Hai , 0091000576011, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371323516	
23	Danh Trai	122	Danh Thị Thanh Trúc	11/09/2016	Thị Bích Xuyên	371854762	1.000.000	Danh Trai, 0091000575948, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371184380	
24	Lê Phong Phúc	125	Lê Phúc Duy	03/07/2020	Lại Thị Bích Vân	371042944	1.000.000	Lê Phong Phúc , 0091000577480, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	363975484	
25	Sơn Thanh	128	Sơn Thanh Tùng	01/03/2016	Trần Dủ The	385858060	1.000.000	Sơn Thanh, 0091000577349, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	385078560	
26	Nguyễn Thanh Phú	129	Nguyễn Hoàng Kim Anh	08/05/2020	Nguyễn Thị Tuyết Nga	361744344	1.000.000	Nguyễn Thanh Phú , 0091000577353, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	370967805	
27	Nguyễn Anh Quốc	140	Nguyễn Quang Đăng	02/05/2021	Trần Thi Thu Thủy	371716015	1.000.000	Nguyễn Anh Quốc, 0091000577366, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371398830	
28	Trần Quốc Hiền	142	Trần Khả Bình	27/03/2019	Cao Ngọc Mận	371717020	1.000.000	Trần Quốc Hiền, 0091000577432, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	371323017	
29	Âu Thị Thu Yến	143	Nguyễn Văn Chuyền	07/03/2016	Nguyễn Văn Chuyện	371118170	1.000.000	Nguyễn Trọng Nghĩa, 0091000622476, Ngân hàng TMCP Ngoại thượng Việt Nam	370771717	
XXVII	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN CO.OP RẠCH GIÁ (NGỪNG VIỆC)**						**3.000.000**			
27.1	**Danh sách người lao động ngừng việc**						**2.000.000**			
Stt	**Họ và tên**	**Phòng/ban/phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Mã số BHXH**		**Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ (đồng)**	**Số CMND/thẻ căn cước công dân**		**Ghi chú**
1	Trần Luận	CMRG	Không Thời Hạn	9116016540		Từ 31/8/2021 đến 01/10/2021	1.000.000	371779664		

2	Nguyễn Cẩm Huỳnh	CMRG	Không Thời Hạn	9112004341	Từ 01/9/2021 đến 16/9/2021	1.000.000	371394735	
27.2	**Danh sách người lao động ngừng việc và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**					**1.000.000**		
Stt	**Họ và Tên**	**Thứ tự tại mục 27.1**	**Thông tin về con và vợ hoặc chồng**			**Số tiền hỗ trợ**	**Số CMND/thẻ căn cước công dân**	**Ghi chú**
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	**Ngày tháng năm sinh của trẻ em**	**Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2** / **Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng**			
1	Nguyễn Cẩm Huỳnh	2	Trần Nhân Toàn	16/8/2016	Trần Nhân Kiệt / 370991488	1.000.000	371394735	
XXVIII	**CÔNG TY TNHH MTV PHÒNG KHÁM ĐA KHOA NHÂN HẬU PHÚ CƯỜNG (NGỪNG VIỆC)**					**18.000.000**		
28.1	**Danh sách người lao động ngừng việc**					**14.000.000**		
Stt	**Họ và tên**	**Phòng/ban/phân xưởng làm việc**	**Loại hợp đồng lao động**	**Mã số BHXH**	**Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)**	**Số tiền hỗ trợ (đồng)**	**Số CMND/thẻ căn cước công dân**	**Ghi chú**
1	Phạm Việt Anh	Nhân viên	Không thời hạn	9112000437	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371548888	
2	Trần Thị Thanh Huyền	Nhân viên	Không thời hạn	9121945061	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371867003	
3	Hứa Thị Hồng Nhung	Nhân viên	Không thời hạn	9121647139,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371662587,00	
4	Phạm Thị Mộng Tiền	Nhân viên	Không thời hạn	9123879126,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	3711822468,00	
5	Phạm Thị Mỹ Nương	Nhân viên	Không thời hạn	9122757179,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371290051,00	

6	Trần Mỹ Nhân	Nhân viên	Không thời hạn	9116017903,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371303929,00	
7	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Nhân viên	Không thời hạn	9122278434,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371659900,00	
8	Trần Quốc Hào	Nhân viên	Không thời hạn	9121706177,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371776681,00	
9	Quách Thị Ngọc Thuỷ	Nhân viên	Không thời hạn	9121791801,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371445646,00	
10	Bùi Minh Vẹn	Nhân viên	Không thời hạn	9122459236,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371883803,00	
11	Thị Mỹ Hường	Nhân viên	Không thời hạn	9122703664,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371231685,00	
12	Trần Thiện Khánh Dung	Nhân viên	Không thời hạn	9123003793,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371701581,00	
13	Huỳnh Bích Nhân	Nhân viên	Không thời hạn	7938384476,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371713680,00	
14	Đàm Công Kiệt	Nhân viên	Không thời hạn	9123571416,00	Từ ngày 09/07/2021 đến 01/08/2021	1.000.000	371441375,00	
28.2	**Danh sách người lao động ngừng việc và đang mang thai**					**1.000.000**		
Stt	**Họ và tên**			**Thứ tự tại mục 28.1**		**Số tiền hỗ trợ**	**Số CMT/thẻ căn cước công dân**	**Ghi chú**
1	Trần Mỹ Nhân			6		1.000.000	371303929	
28.3	**Danh sách người lao động ngừng việc và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em**					**3.000.000**		
			Thông tin về con và vợ hoặc chồng					

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH KIÊN GIANG

Stt	Họ và Tên	Thứ tự tại mục 28.1	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ thẻ CCCD của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
1	Phạm Thị Mỹ Nương	5	Trương Phạm Kim Anh	12/01/2018	Trương Công Đinh	381337186	1.000.000	371290051	
2	Quách Thị Ngọc Thuỷ	9	Trần Gia Hân	11/3/2019	Trần Minh Tín	371449618	1.000.000	371445646	
3	Thị Mỹ Hường	11	Bùi Ngọc Tú Anh	01/6/2018	Bùi Lê Tuấn Kiệt	372038079	1.000.000	371231685	
XXIX	**DANH SÁCH HỘ KINH DOANH**						**252.000.000**		

Stt	Họ và tên người đại diện hộ kinh doanh	Số CMND/ Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi ở hiện tại	Tên hộ kinh doanh	Địa điểm kinh doanh	Mã số thuế hoặc mã số đăng ký kinh doanh	Thời gian tạm ngừng kinh doanh từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm	Số tiền hỗ trợ	Hình thức thanh toán (trực tiếp)	Ghi chú
29.1	**Phường Vĩnh Thông**							**12.000.000**		
1	Phạm Thành Nam	371266784	801, Đường 30/4, Khu phố 3, Vĩnh Thông	Phạm Thành Nam	46, khu phố 3, Vĩnh Thông	56A 8017154	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Mua bán, sữa chữa máy tàu cũ
2	Phạm Thanh Bình	091074005544	769, Đường 30/4, Khu phố 3, Vĩnh Thông	Phạm Thanh Bình	769, Đường 30/4, Khu phố 3, Vĩnh Thông	56A 8017390	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	sửa chữa tàu máy, hàn tiện
3	Huỳnh Hóc Xuyên	370674949	649, tổ 9,KP3, VThông	Huỳnh Hóc Xuyên	649, tổ 9,KP3, VThông	56A 8009694	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Tạp hóa lưu động.
4	Nguyễn Văn Tấn	370587370	535, Đường 30/4 Khu phố 2, Vĩnh Thông	Nguyễn Văn Tấn	Kp2 - Vĩnh Thông	56A 8009697	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán tạp lưu động.
29.2	**Xã Phi Thông**							**24.000.000**		
5	Nguyễn Thanh Vũ	371029036	9, tổ 23, ấp tà Tây	Nguyễn Thanh Vũ	9, tổ 23, ấp tà Tây	56A 8017012	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán sữa chữa điện thoại di động.
6	Nguyễn Thị Hoàng Yến	370545379	Lô 3-4, chợ Phi Thông	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Lô 3-4 chợ Phi Thông	56A 8007839	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	đồ xi, ngư lưới cụ
7	Vũ Duy Nông	038082018344	Tổ 23, ấp Tà Tây, xã Phi Thông	Vũ Duy Nông	Tổ 17, ấp Tà Tây, xã Phi Thông	56A 8017804	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán đồ mỹ gia dụng

8	Trần Thị Thanh Hà	091187002270	Tổ 14, ấp Tà Tây, xã Phi Thông	Kỹ nghệ sắt Đức Tiến	Tổ 14, ấp Tà Tây, xã Phi Thông	56A 8016706	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Gia công cửa sắt
9	Cao Văn Hoàng	370982586	Tổ 13, ấp Tà Tây, xã Phi Thông	Cao Văn Hoàng	Tổ 13, ấp Tà Tây, xã Phi Thông	56A 8025276	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Mua bán Văn Phòng Phẩm (LT)
10	Nguyễn Văn Khá	370116486	Tổ 20, ấp Tà Tây, xã Phi Thông	Nguyễn Văn Khá	Lô 06, chợ Phi Thông	56A 8012085	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Mua bán quần áo may sẵn.
11	Võ Thị Kiều Loan	371348223	Tổ 11, ấp Tà Tây, xã Phi Thông	Cửa hàng thiết bị tin học	Tổ 11, ấp Tà Tây, xã Phi Thông	56A 8020955	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Mua bán thiết bị văn phòng camera quan sát
12	Triệu Văn Có	371028448	149, đường 30/4, ấp tà Tây	Trường An	149, đường 30/4, ấp tà Tây	56A 8024266	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Phòng chẩn trị y học cổ truyền khám chữa bệnh ngoại trú xem mạch bán thuốc bắc (LT)
29.3	**Phường Vĩnh Quang**							**81.000.000**		
13	Lưu Kim Hon	371038306	E 20 Nguyễn tri Phương, VQ	Lưu Kim Hon	89+90 Chợ TTTM RG	56A 8002834	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán bọc nilon
14	Lê Bảo Nguyên	370715556	L9 Căn 11 đường 3/2	Đông Thành	14A Lý Thái Tổ	56A8003416	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán đồ gia dụng các loại
15	Lê Văn Út	371266711	60 Nguyễn Thái Bình	Tiệm Sắt Văn Út	999A Mạc Cửu	56A 8023455	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Buôn bán vật liệu lắp đặt thiết bị khác trong xây dựng (Tiệm sắt Văn Út)
16	Trần Đặng Tuấn	370651554	1304 Mạc Cửu	Trần Đặng Tuấn	1304 Mạc Cửu	56A 8011615	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	hàn tiện
17	Cao Hữu Nghĩa	370667470	Số 19 Điện Biên Phủ	THUẬN THÀNH RG	Số 23 Điện Biên Phủ, P.VQ	56A 8021915	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Mua bán tạp hóa đồ dùng gia đình
18	Nguyễn Thị Tha La	370715127	1029/9 Mạc Cửu	Nguyễn Thị Tha La	1029/9 Mạc Cửu	56A 8013887	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Nhà Hàng
19	Nguyễn Đức Hưng	370988276	1286 Mạc Cửu	Nguyễn Hiệp	1286 Mạc Cửu	56A 8017521	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	ống nước đồ sắt
20	Lê Thị Hạnh	370122248	48 Mạc Đỉnh Chi Phường Vĩnh Thanh	Lê Thị Hạnh	272 Quang Trung	56A8001848	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Quay vây
21	Huỳnh Công Danh	370437104	42 Huỳnh Tịnh Của,VTV	Huỳnh Công Danh	393+395 Chợ TTTM RG	56A 8000930	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Sành sứ,In0x,thuỷ tinh.
22.	Trà Tấn Phát	371076065	1115 Mạc Cửu	Trà Tấn Phát	1115 Mạc Cửu	56A 8025104	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Sửa xe honda (LT)

23	Văn Bích Hương	371266324	18 Thủ Khoa Nghĩa, VTV, RG, KG	Văn Bích Hương	83+84+85+86 Chợ TTTM RG	56A 8000645	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Vật tư đồ sắt.
24	Hồ Chí Thắng	371779629	E8 Trần Mai Ninh	CHÍ THẮNG	E8 Trần Mai Ninh, P. Vĩnh Quang	56A 8023560	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Vệ sinh nhà cửa và các công trình
25	Đặng Tấn Lộc	370649902	87 Ngô Quyền, VB	Đặng Tấn Lộc	41+42+43+44 Chợ TTTM RG	56A 8000653	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán vật tư đồ sắt
26	Trương Vĩnh Kiên	370500914	67 Mậu Thân, VT	Trương Vĩnh Kiên	26 Chợ TTTM RG	56A 8001255	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Mua bán vật tư đồ sắt
27	Thái Thanh Sang	370006875	280 Nguyễn Bỉnh Khiêm	Yến Sang	280 Nguyễn Bỉnh Khiêm	56A8013772	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Sơn, vật tư
28	Trần Quyết Thắng	370694822	280/15 Quang Trung, VQ	Trần Quyết Thắng	51+52 Chợ TTTM RG	56A8001123	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	vật tư đồ sắt
29	Trần Bình	370932363	20E1 Nguyễn Tri Phương, VQ	Trần Bình	77+78+79 Chợ TTTM RG	56A 8002791	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Vật tư đồ sắt
30	Lâm Minh Phát	370932481	Lô 13 Căn 11, Khu Thu Nhập Thấp, VQ	Lâm Minh Phát	69+70 Chợ TTTM RG	56A 8000688	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Vật tư đồ sắt
31	Châu Văn Vũ	370684696	1/21 Sư Thiện Ân,P.Vĩnh Bảo	CHÂU VĂN VŨ	Kioss 29 Hai Bà Trưng	56A 8002118	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Vật tư đồ sắt
32	Nguyễn Thị Bé Thảo	370494839	45 Huỳnh Thúc Kháng, VQ	Nguyễn Thị Bé Thảo	56 Chợ TTTM RG	56A 8024765	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Vật Tư Đồ Sắt Cũ (LT)
33	Huỳnh Thị Bé Hai	371215670	20E1 Nguyễn Tri Phương, VQ	Huỳnh Thị Bé Hai	47+48+49 Chợ TTTM RG	56A 8024747	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Vật Tư đồ sắt phụ tùng máy (LT)
34	Trương Tố Mỹ	370396989	35 Thủ Khoa Nghĩa, VTV	Trương Tố Mỹ	57+58 Chợ TTTM RG	56A 8001246	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Vật tư đồ sắt.
35	Nguyễn Thị Út	370001633	D 20 Hai Bà Trưng	NGUYỄN THỊ ÚT	Lô D20 Hai Bà Trưng	56A 8017959	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán rau cải
36	Đặng Thị thanh Nga	370304614	857 Mạc Cửu	Đặng Thị Thanh Nga	857 Mạc Cửu	56A 8016864	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	bán cafe, nước giải khát

37	Nguyễn Hùng Dũng	370964052	10 Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Bắc	10 Nguyễn Thái Bình	56A 8013072	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	cắt uốn tóc
38	Lê Thanh Tùng	371775192	1274 Mạc Cửu	Lê Thanh Tùng	1274 Mạc Cửu	56A 8018217	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	trò chơi điện tử INTERNET
39	Tạ Văn Tâm	371246953	1081 Mạc Cửu	Tạ Văn Tâm	1081 Mạc Cửu	56A 8010408	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	sửa chửa điện thoại di động
29.4	**Phường Vĩnh Thanh Vân**							**135.000.000**		
40	Huỳnh Thị Xiếu Tính	370079903	12-14 Duy Tân, KP1	Huỳnh Thị Xiếu Tính	146/5 Nguyễn Thoại Hầu	56A 8003319	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán đồng hồ
41	Lữ Thị Loan	381250189	18 Phạm Hồng Thái-KP2	Thế giới mỹ phẩm nước hoa	18 Phạm Hồng Thái-KP2	56A 8021729	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Mỹ phẩm nước hoa
42	Nguyễn Nguyễn Tuyết Nhi	371877773	Lô 3 Căn 24 Đường 3 tháng 2 - KP5	Nguyễn Nguyễn Tuyết Nhi	Lô 3 Căn 24 Đường 3 tháng 2 - KP5	56A 8024462	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Ăn Uống Bình Dân (LT)
43	Lâm Thy Nguyên Hải	370650977	B5-25 Nguyên Phương Danh, Vĩnh Bảo	Hùng Việt	15 Lê Lợi, KP1	56A 8005974	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Rọi ảnh, in ấn phẩm.
44	Thạch Thị Thu Thủy	092170000102	Lô 4 căn 24 Nguyễn Phúc Chu, KP5	Câu lạc bộ Aerobic Thu Thủy	Lô 4 căn 24 Nguyễn Phúc Chu, KP5	56A 8018336	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Câu Lạc Bộ AEROBIC
45	Lâm Trọng Tài	370428723	275-Trần Phú, KP3	Lâm Trọng Tài	275-Trần Phú, KP3	56A 8008062	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Dịch vụ uốn tóc, thuê đồ cưới, mỹ phẩm, dụng cụ uốn tóc.
46	Lâm Thị Huông	370396694	50 Nguyễn Thoại Hầu, KP3	Lâm Thị Huông	50 Nguyễn Thoại Hầu, KP3	56A 8001773	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán đồ nhôm, nhựa
47	Cao Thanh Vân	370428487	378 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Vĩnh Quang	Thảo Nguyên	50 Lý Tự Trọng, KP1	56A 8002430	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	cà phê ăn uống
48	Ong Văn Bữu	370991570	194 Trần Phú, KP1	Thành Kim Phát	194 Trần Phú, KP1	56A8000263	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Vật tư đồ sắt,ống nước mũ (THÀNH KIM PHÁT)
49	Phùng Trung Phong	370458017	Số 04 Lê Lợi - KP2	Phùng Trung Phong	Số 04 Lê Lợi - KP2	56A 8011258	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Dịch vụ photocopy, mua bán nón bảo hiểm, văn phòng phẩm
50	Phù Nguyệt Ngân	370437574	41-Duy Tân, KP1	Phù Nguyệt Ngân	41-Duy Tân, KP1	56A 8005097	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Đồ chơi trẻ em,nón.

51	Nguyễn Thị Thủy	370437078	01 Duy Tân, KP1	Nguyễn Thị Thủy	01 Duy Tân, KP1	56A 8001451	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bình ăcquy
52	Đoàn Xuân Nhàn	370991710	61/9 Hoàng Diệu	Đoàn Xuân Nhàn	23 Lê Lợi, KP1	56A 8018608	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán phụ liệu móng tay
53	Lê Thị ánh Xuân	370036147	157 Nguyễn Hùng Sơn, KP1	Vũ Bằng	157 Nguyễn Hùng Sơn, KP1	56A 8007092	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán điện thoại, linh kiện điện thoại, photocoppy
54	Nguyễn Thị Cẩm Tú	334949298	244 Nguyễn Hùng Sơn	Massage Tây Bắc	Lô 8-10 Đường Nguyễn Hùng Sơn, KP5	56A 8024443	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Massage (LT)
55	Vũ Anh Nguyễn	371210887	27 Nguyễn Thượng Hiền, KP5	Nhà Nghỉ (STAY 2)	45 Nguyễn Thượng Hiền, KP5	56A 8025555	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Nhà Nghỉ (STAY 2)
56	Võ Thanh Tuấn	370773349	190 Nguyễn Hùng Sơn, KP2	Võ Thanh Tuấn	190 Nguyễn Hùng Sơn, KP2	56A 8022954	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Dịch vụ ăn uống (LT)
57	Trần Văn Tỷ	371042289	B3-41 đường 3/2	Coffee Up	81 Trần Hưng Đạo-KP3	56A 8019913	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	cà phê và điểm tâm sáng
58	Lê Thị Nguyệt	371087426	185 Nguyễn Hùng Sơn	Lê Thị Nguyệt	L14-23 Khu 16 ha, KP5	56A 8008084	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Dịch vụ nhà trọ.
59	Trần Trọng Nghĩa	372057560	211 Trần Phú, KP1	Trần Trọng Nghĩa	150 Trần Phú, KP1	56 A 8008625	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Điện lạnh,điện gia dụng, điện tử, bếp gas.
60	Trần Thị Hậu	370858760	34 Hoàng Hoa Thám, KP1	An Tài	34 Hoàng Hoa Thám, KP1	56A 8015968	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Kính đeo mắt
61	Phan Thị Ngọc Mai	370013472	27 Huỳnh Tịnh Của, KP2	Phan Thị Ngọc Mai	27 Huỳnh Tịnh Của, KP2	56A 8013831	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Ngư lưới cụ
62	Huỳnh Thị Luận	371212168	670B Lâm Quang Ky, An Hòa.	Huỳnh Thị Luận	Vị Trí 15 Siêu Thị CoopMart, KP5	56A 8023572	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Mua bán vali dây nịch túi xásch ví da (CH SUM)
63	Nguyễn Thị Xuân	351439871	201/24 ấp Tân Phú, xã Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang.	Nguyễn Thị Xuân	40 Lê Lợi, KP2	56A 8023726	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán cháo
64	Trần Thị Ngọc Thảo	370458291	55/5/6 Cô Giang, Vĩnh Bảo	Trần Thị Ngọc Thảo	68 Trịnh Hoài Đức, KP3	56A 8023078	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Quán cà phê nước giải khát (LT)

65	Nguyễn Thị Thúy	371365930	291 Lâm Quang Ky, Vĩnh Lạc.	Nguyễn Thị Thúy	Khu Trung Tâm Thương Mại Tổng hợp 16 Ha, KP5	56A 8025451	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Mua bán quần áo may sẵn giày dép
66	Võ Trần Minh Khánh	371013758	1039/2 Lâm Quang Ky, An Hòa	Võ Trần Minh Khánh	Số 32 Hùng Vương, KP1	56A 8015787	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán cà phê
67	Dương Chí Sinh	370798586	556 Nguyễn trung Trực, Vĩnh Lạc	Dương Chí Sinh	13 Đường 3/2, KP5	56A 8012582	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Dịch vụ ăn uống (LT)
68	Lê Thị ánh	370010466	20 Phạm Hồng Thái, KP2	Lê Thị ánh	20 Phạm Hồng Thái, KP2	56A 8025430	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán giầy dép
69	Tân Tuyết Phương	371299517	204 Trần Phú	Tân Tuyết Phương	204 Trần Phú	56A 8025294	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Sản xuất các loại bánh từ bột
70	Nguyễn Thị Đan Thanh	091169018827	21 Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Thị Đan Thanh	5A Hùng Vương	56A 8012723	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán buôn thực phẩm khác;
71	Trần Hữu Thuận	371299375	375 Phạm Hùng, Vĩnh Lạc.	UY STORE	22 Hải Triều, KP5	56A 8025713	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bách hóa tổng hợp mỹ phẩm (MY STORE)
72	Trần Thanh Tâm	370597565	223 Trần Hưng Đạo	Chả lụa Thanh Tâm	223 Trần Hưng Đạo	56A 8017599	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;
73	Trang Trường Xuân	370042185	36-Duy Tân, KP1	Trang Trường Xuân	36-Duy Tân, KP1	002719/VTV	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Phụ tùng máy xay lúa
74	Dương Thị Huỳnh Như	371603198	22 Bùi Thị Xuân	Dương Thị Huỳnh Như	06 Nguyễn Thượng Hiền, KP5	56A 8025372	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Cà phê điểm tâm sáng (LT)
75	Lê Tống Phương Thảo	370894127	B5-51 Lương Nhữ Học, Vĩnh Bảo	Shop Phương Thảo	Số 17 Lê Lợi, KP1	56A 8021787	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Mua bán quần áo may sẵn
76	Lâm Đức Giao	370806190	24 Phạm Ngũ Lão	Lâm Đức Giao	25 Thủ Khoa Nghĩa, KP4	56A 8019388	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Máy Văn Phòng
77	La Tiến Cường	370437274	44/8 Thành Thái, KP2	La Tiến Cường	44/6 Thành Thái, KP2	56A 8007551	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Nhà trọ.
78	Lê Thị Bích Trân	371377493	257 Nguyễn Hùng Sơn	Lê Thị Bích Trân	Lô 11 Căn 2 Nguyễn Hùng Sơn- KP5	56A 8019116	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán caphê giải khát

79	Nguyễn Trọng Tỵ	370762919	67 Bạch Đằng, KP2	Nguyễn Trọng Tỵ	67 Bạch Đằng, KP2	56A 8016693	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Cầm Đồ
80	Nguyễn Ngọc Quý	371096201	50/12 Thành Thái	Nguyễn Ngọc Quý	50/12 Thành Thái	56A 8025024	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác;
81	Đỗ Hồng Kiệt	370041602	95/2 Mạc Cửu	Xuân Kiệt	126 Trần Phú	00434/VTV	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
82	Huỳnh Thị Bé	370009854	16 Phan Bội Châu	Huỳnh Thị Bé	12 Phan Bội Châu	56A 8001480	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Mỹ phẩm, văn phòng phẩm
83	Nguyễn Thị Huyền	371019783	14 Nguyễn Thoại Hầu	Minh Đức	14 Nguyễn Thoại Hầu	56A 8016405	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo
84	Cao Hùng Vĩ	370705310	26 Phan Chu Trinh	Cao Hùng Vĩ	26 Phan Chu Trinh	56A 8013330	19/7/2021-20/09/2021	3.000.000	x	Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo
553	TỔNG CỘNG (I đến XXIX)							1.696.455.000		

Tổng cộng: Số trường hợp được hỗ trợ: 553; Số tiền hỗ trợ: 1.696.455.000 đồng; Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng.

Kiên Giang, ngày 11 tháng 01 năm 2022

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Văn Tùng

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH KIÊN GIANG

Đặng Hồng Sơn